

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Vân Anh

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THỊNH LỢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Đặng Vân Anh

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Vân Anh

Mã SV: 1612401014

Lớp : QT2001K

Ngành : Kế toán – kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ
phần Thịnh Lợi

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

Nghiên cứu những lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Lượng vật liệu tồn kho đầu kỳ.
- Giá nguyên vật liệu nhập kho trong kì.
- Khối lượng từng loại nguyên vật liệu nhập xuất trong kỳ.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 – Đằng Lâm – Quận Hải An – TP Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị : Thạc sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

MỤC LỤC

| | |
|--|----------|
| LỜI NÓI ĐẦU | 1 |
| PHẦN I. NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP THEO | 2 |
| THÔNG TƯ 200 | 2 |
| 1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu..... | 2 |
| 1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu. | 2 |
| 1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu. | 2 |
| 1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu. | 2 |
| 1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp..... | 4 |
| 1.3. Vai trò và nhiệm vụ của công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. | 5 |
| 1.3.1. Vai trò của công tác kế toán nguyên vật liệu. | 5 |
| 1.3.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán nguyên vật liệu. | 5 |
| 1.4. Đánh giá nguyên vật liệu..... | 6 |
| 1.4.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu. | 6 |
| 1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế..... | 7 |
| 1.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu..... | 12 |
| 1.5.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng..... | 12 |
| 1.5.2. Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu. | 13 |
| 1.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu. | 18 |
| 1.6.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. | 18 |
| 1.6.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ. ... | 27 |
| 1.7. Tổ chức công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp. | 31 |
| 1.7.1. Khái niệm. | 31 |
| 1.7.2. Phương pháp kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho..... | 31 |
| 1.7.3. Quy trình kiểm kê nguyên vật liệu..... | 32 |
| 1.7.4. Hạch toán kiểm kê nguyên vật liệu. | 34 |

| | |
|--|-----------|
| 1.8. Tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp. | 37 |
| 1.8.1. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung. | 37 |
| 1.8.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái. | 39 |
| 1.8.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. | 41 |
| 1.8.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ. | 43 |
| 1.8.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính. | 45 |
| PHẦN II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI. | 47 |
| 2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 47 |
| 2.1.1 Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 47 |
| 2.1.2. Đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 47 |
| 2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi | 49 |
| 2.1.4. Thành tích cơ bản đạt được của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 52 |
| 2.1.5. Đặc điểm công tác kế toán của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 53 |
| 2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 56 |
| 2.2.1. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 56 |
| 2.2.2. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 58 |
| 2.2.3. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 60 |
| 2.2.4. Ví dụ minh họa về kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 64 |
| 2.2.5. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 75 |
| PHẦN III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI. | 77 |
| 3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 77 |
| 3.1.1. Ưu điểm trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 78 |

| | |
|--|-----------|
| 3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 81 |
| 3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu..... | 81 |
| 3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu | 83 |
| 3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. | 83 |
| KẾT LUẬN | 87 |

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, với sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật đã làm cho kế toán ngày càng giữ một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội và sự tồn tại của mỗi doanh nghiệp.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mọi sản phẩm vật chất đều được cấu thành từ nguyên vật liệu, nó là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất. Công tác kế toán nguyên vật liệu giúp cho những nhà quản lý nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Từ đó, đưa ra những quyết định đúng đắn trong việc lập dự toán chi phí nguyên vật liệu, đảm bảo cho việc cung cấp đủ, đúng chất lượng nguyên vật liệu kịp thời cho sản xuất.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi, em đã đi sâu vào tìm hiểu, nghiên cứu đề tài :” *Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi*” làm khóa luận tốt nghiệp của mình. Nội dung của khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận được chia làm 3 phần:

Phần I: Những lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu.

Phần II: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Phần III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song thời gian thực tập và kiến thức còn nhiều hạn chế nên em không tránh khỏi những nhận định chủ quan, chưa toàn diện. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp và thông cảm của thầy cô.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

Sinh viên

Đặng Vân Anh

**PHẦN I. NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP THEO
THÔNG TƯ 200**

1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu.

1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp..

1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu.

- Các nguyên vật liệu sẽ thay đổi về hình thái, không giữ nguyên được trạng thái ban đầu khi đưa vào sản xuất.
- Các nguyên vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh (một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu được chuyển trực tiếp vào sản phẩm, là căn cứ cơ sở để tính giá thành.

1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp, vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò, công dụng và tính năng lý hoá khác nhau. Vì vậy để quản lý vật liệu một cách có hiệu quả, các doanh nghiệp tiến hành phân loại vật liệu. Tùy theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện phân loại theo các cách khác nhau:

1.1.3.1. Phân loại theo công dụng:

- Nguyên liệu, vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.
- Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.
- Vật tư thay thế: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...
- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

1.1.3.2. Phân loại theo nguồn hình thành:

- Nguyên vật liệu tự chế: là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.
- Nguyên vật liệu mua ngoài: là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.
- Vật liệu khác: là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

1.1.3.3. Phân loại theo mục đích sử dụng gồm:

- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh.
- Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho công tác quản lý.
- Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho các mục đích khác.

1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Nền kinh tế quốc dân ngày càng phát triển khối lượng sản xuất công nghiệp đòi hỏi ngày càng nhiều chủng loại nguyên vật liệu. Đối với nước ta, nguyên vật liệu trong nước còn chưa đáp ứng được cho nhu cầu sản xuất, một số loại nguyên vật liệu còn phải nhập của nước ngoài. Do đó, việc quản lý nguyên vật liệu phải hết sức tiết kiệm, chống lãng phí, đúng quy trình công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm tốt và có hiệu quả.

Muốn quản lý tốt nguyên vật liệu ta phải quản lý tốt các khâu: Thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng:

- Ở khâu thu mua: Phải tổ chức quản lý quá trình thu mua nguyên vật liệu sao cho đủ về số lượng, đúng chủng loại, tốt về chất lượng, giá cả hợp lý, nhằm hạ thấp chi phí nguyên vật liệu đưa vào sản xuất, góp phần quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm.
- Ở khâu bảo quản: Phải bảo đảm theo đúng chế độ quy định tổ chức hệ thống kho hợp lý, để nguyên vật liệu không thất thoát, hư hỏng, kém phẩm chất, ảnh hưởng đến chất liệu sản phẩm.
- Ở khâu dự trữ: Phải tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được tiến hành liên tục, cần quan tâm quản lý tốt khâu dự trữ. Phải dự trữ nguyên vật liệu đúng mức tối đa, tối thiểu để không gây ứ đọng hoặc gây gián đoạn trong sản xuất.
- Ở khâu sử dụng: Do chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất vì vậy cần sử dụng nguyên vật liệu đúng mức tiêu hao, đúng chủng loại, phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ thấp chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

Do đó, công tác quản lý nguyên vật liệu là rất quan trọng nhưng trên thực tế có những doanh nghiệp vẫn để thất thoát một lượng nguyên vật liệu khá lớn do không quản lý tốt nguyên vật liệu ở các khâu, không xác định mức tiêu hao

hoặc có xu hướng thực hiện không đúng. Chính vì thế cho nên luôn luôn phải cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tế.

1.3. Vai trò và nhiệm vụ của công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.3.1. Vai trò của công tác kế toán nguyên vật liệu.

Kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp là việc ghi chép, phản ánh đầy đủ tình hình thu mua, dự trữ nhập xuất nguyên vật liệu. Mặt khác thông qua tài liệu kế toán nguyên vật liệu còn biết được chất lượng, chủng loại có đảm bảo hay không? Số lượng thừa hay thiếu đối với sản xuất để từ đó người quản lý đề ra các biện pháp thiết thực nhằm kiểm soát giá cả, chất lượng nguyên vật liệu.

- Thông qua tài liệu kế toán nguyên vật liệu còn giúp người kế toán kiểm tra chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng, cung cấp nguyên vật liệu, từ đó có các biện pháp đảm bảo nguyên vật liệu cho sản xuất một cách có hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, kế toán nguyên vật liệu còn ảnh hưởng trực tiếp đến kế toán giá thành.
- Cung cấp thông tin chính xác kịp thời về tình hình nguyên vật liệu, giúp lãnh đạo nắm bắt tình hình quản lý, sử dụng nguyên vật liệu để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

1.3.2. Nhiệm vụ của công tác kế toán nguyên vật liệu.

Xuất phát từ vị trí yêu cầu quản lý vật liệu cũng như vai trò của kế toán trong quản lý kinh tế nói chung và quản lý doanh nghiệp nói riêng thì nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu là:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu về giá cả và hiện vật. Tính toán đúng đắn trị giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho...
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về hạch toán nguyên vật liệu. Đồng thời hướng dẫn các bộ phận, các đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ hạch toán ban đầu về nguyên vật liệu, phải hạch toán đúng chế độ...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu từ đó phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất, giúp cho việc hạch toán xác định chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu thực tế đưa vào sản xuất sản phẩm.
- Tổ chức kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.
- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, đánh giá phân loại tình hình nhập xuất và quản lý nguyên vật liệu...

1.4. Đánh giá nguyên vật liệu.

1.4.1. Nguyên tắc đánh giá nguyên vật liệu.

Nguyên, vật liệu là một trong những yếu tố cấu thành nên hàng tồn kho, do đó kế toán nguyên, vật liệu phải tuân thủ theo chuẩn mực kế toán hàng tồn kho.

Kế toán nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu phải được thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong chuẩn mực “Hàng tồn kho”. Nội dung giá gốc của nguyên vật liệu được xác định tùy theo từng nguồn nhập.

- ❖ *Giá gốc của nguyên vật liệu, vật liệu mua ngoài*, bao gồm: Giá mua ghi trên hóa đơn, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường phải nộp (nếu có), chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,... nguyên vật liệu, vật liệu từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu và số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có):
 - Trường hợp thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ thì giá trị của nguyên vật liệu, vật liệu mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

thuế GTGT. Nếu thuế GTGT hàng nhập khẩu không được khấu trừ thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào bao gồm cả thuế GTGT.

- Đối với nguyên liệu, vật liệu mua bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch.
- ❖ *Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu tự chế biến*, bao gồm: Giá thực tế của nguyên liệu xuất chế biến và chi phí chế biến.
- ❖ *Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công chế biến*, bao gồm: Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất thuê ngoài gia công chế biến, chi phí vận chuyển vật liệu đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về doanh nghiệp, tiền thuê ngoài gia công chế biến.
- ❖ *Giá gốc của nguyên liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần* là giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp thuận.

1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế.

1.4.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho.

Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập:

- ❖ Đối với nguyên vật liệu nhập kho mua ngoài:

| | | | | | | | | |
|----------------------------------|----------|---------------------------------|----------|--------------------|----------|---|----------|---------------------------|
| Giá thực tế NVL mua ngoài | = | Giá mua ghi trên hóa đơn | + | Chi phí mua | + | Các loại thuế không được khấu trừ, không được hoàn lại | - | Các khoản giảm trừ |
|----------------------------------|----------|---------------------------------|----------|--------------------|----------|---|----------|---------------------------|

Trong đó:

- Giá mua là giá chưa thuế GTGT nếu NVL mua về dùng để sản xuất các mặt hàng chịu thuế GTGT và DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Giá mua là giá có thuế GTGT nếu NVL mua về sử dụng vào việc sản xuất các mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc hoạt động phúc lợi hoặc với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chi phí thu mua bao gồm: chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bốc xếp, bảo quản, phân loại trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng (công tác phí của cán bộ mua hàng, chi phí của bộ phận mua hàng độc lập) và khoản hao hụt tự nhiên trong định mức.
- Các khoản giảm trừ: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua do không đúng quy cách phẩm chất.

❖ Đối với NVL tự gia công chế biến:

| | | | | |
|---------------------------------|---|---|---|----------------------------------|
| Giá thực tế NVL nhập kho | = | Giá thực tế NVL xuất gia công chế biến | + | Chi phí gia công chế biến |
|---------------------------------|---|---|---|----------------------------------|

Chi phí gia công chế biến: Bao gồm những chi phí liên quan trực tiếp đến sản xuất sản phẩm như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định, chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

❖ Đối với NVL thuê ngoài gia công chế biến:

| | | | | | | |
|---|---|--|---|---|---|------------------------------------|
| Giá thực tế của NVL thuê ngoài gia công chế biến | = | Giá thực tế của NVL xuất thuê ngoài gia công chế biến | + | Chi phí thuê ngoài gia công chế biến | + | Chi phí vận chuyển (nếu có) |
|---|---|--|---|---|---|------------------------------------|

Trong đó, tiền thuê ngoài gia công chế biến, tiền vận chuyển (nếu có) sẽ bao gồm cả thuế GTGT nếu NVL được dùng để sản xuất mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, sẽ không bao gồm thuế GTGT nếu sản phẩm sản xuất ra là đối tượng không chịu thuế GTGT và DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

❖ Đối với NVL nhận vốn góp liên doanh thì giá thực tế của NVL nhập kho là giá do hội đồng liên doanh đánh giá và các chi phí khác phát sinh khi tiếp nhận.

| | | | | |
|-------------------------------------|---|--|---|---|
| Giá thực tế NVL nhập kho | = | Trị giá vốn góp do hội đồng liên doanh xác định | + | Chi phí vận chuyển bốc dỡ (nếu có) |
|-------------------------------------|---|--|---|---|

❖ Đối với NVL được biếu tặng:

| | | | | |
|---|---|--|---|--------------------------|
| Giá thực tế của NVL nhập kho | = | Giá thị trường tại thời điểm nhận | + | Chi phí phát sinh |
|---|---|--|---|--------------------------|

❖ Đối với NVL được Nhà nước cấp:

| | | | | |
|---|---|---|---|--------------------------|
| Giá thực tế của NVL nhập kho | = | Giá trị vốn NSNN được ghi nhận | + | Chi phí phát sinh |
|---|---|---|---|--------------------------|

❖ Đối với NVL là phế liệu thu hồi: Giá thực tế NVL nhập kho là giá ước tính của NVL có thể sử dụng được, bán trên thị trường.

1.4.2.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho.

Trên thực tế phải căn cứ vào hoạt động của DN kế toán có thể lựa chọn các phương pháp tính giá sao cho thuận lợi trong quá trình tính toán và phải sử dụng đúng nguyên tắc nhất quán trong hạch toán. Trường hợp nếu có thay đổi phương pháp phải có giải thích rõ ràng bằng văn bản để gửi về cơ quan thuế nhưng phải thực hiện tối thiểu là 6 tháng.

Khi xác định giá nguyên vật liệu xuất kho, doanh nghiệp áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp tính giá thực tế đích danh
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp bình quân gia quyền

❖ **Phương pháp tính giá thực tế đích danh:**

- Phương pháp tính giá theo giá thực tế đích danh là xác định giá xuất kho từng loại NVL theo giá thực tế của từng lần nhập, từng nguồn nhập cụ thể.

- Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp giá cả hàng hóa có tính ổn định hoặc giá cả hàng hóa đang trong thời kỳ có xu hướng giảm.

Thích hợp với những doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng có hạn sử dụng nhỏ mà thiết yếu như: thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm,...

***Ưu điểm:** Tính giá NVL kịp thời, theo dõi được thời gian bảo quản của NVL.

***Nhược điểm:** Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải có điều kiện bảo quản từng lô NVL tồn kho, có ít chủng loại vật tư hoặc chủng loại vật tư ổn định, có tính tách biệt, giá trị đơn vị lớn và dễ dàng nhận diện.

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

- Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng tuân thủ theo nguyên tắc là nguyên vật liệu được nhập kho trước thì được xuất trước, và nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu được nhập kho gần thời điểm cuối kỳ.
- Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của nguyên vật liệu được tính theo giá của nguyên vật liệu ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.
- Phương pháp này được áp dụng đối với những doanh nghiệp ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

***Ưu điểm:** Doanh nghiệp ước tính được ngay trị giá vốn nguyên vật liệu xuất kho trong từng lần

Đảm bảo kịp thời cung cấp số liệu cho kế toán chuyển số liệu thực tế cho các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý

Giá trị nguyên vật liệu tương đối sát với giá thị trường khi giá cả không đổi hoặc có xu hướng giảm dần giúp cho chỉ tiêu hàng tồn kho trên các báo cáo tài chính mang ý nghĩa thực tế hơn.

***Nhược điểm:** Doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại (do doanh thu có được của doanh nghiệp tạo ra bởi những giá trị đã có được từ cách đó rất lâu).

Với những doanh nghiệp lớn với số lượng, chủng loại mặt hàng nhiều, nhập xuất phát sinh liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cao cũng như khối lượng hạch toán, ghi chép sẽ tăng lên rất nhiều.

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền.**

Theo phương pháp này, giá trị của từng loại nguyên vật liệu được tính theo giá trị trung bình của từng loại nguyên vật liệu tương tự đầu kỳ và giá trị của từng loại nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về.

***Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ.**

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán nguyên vật liệu tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

| | | | | |
|---|----------|--------------------------------|----------|-----------------------------------|
| Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của một loại NVL | = | Giá trị NVL tồn đầu kỳ | + | Giá trị NVL nhập trong kỳ |
| | | Số lượng NVL tồn đầu kỳ | + | Số lượng NVL nhập trong kỳ |

- **Ưu điểm:** Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán 1 lần vào cuối kỳ
- **Nhược điểm:** Độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối kỳ gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

***Theo giá bình quân gia quyền mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn)**

Sau mỗi lần nhập NVL kế toán phải xác định lại giá trị thực của NVL và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

| | | | |
|---------------------------------------|---|---|--|
| Đơn giá xuất kho lần thứ i | Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ | + | Trị giá thực tế NVL nhập trước lần xuất thứ i |
| | Số lượng NVL tồn đầu kỳ | + | Số lượng NVL nhập trước lần xuất thứ i |

- **Ưu điểm:** Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên, xác định giá vốn thực tế của NVL nhập kho hàng ngày nên có thể cung cấp thông tin một cách kịp thời.
- **Nhược điểm:** Việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

1.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

1.5.1. Chứng từ và sổ kế toán sử dụng.

1.5.1.1. Chứng từ sử dụng.

Mọi hoạt động kinh tế xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến việc nhập, xuất nguyên liệu vật liệu đều phải lập chứng từ một cách kịp thời đầy đủ, chính xác theo chế độ quy định ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu đã được nhà nước ban hành.

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Biên bản kiểm kê
- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho
- Hoá đơn kiêm vận chuyển

Ngoài các chứng từ mang tính chất bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước, trong các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

toán hướng dẫn như: Phiếu xuất vật tư kiểm hạn mức, biên bản kiểm nghiệm vật tư, phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ, các chứng từ khác tùy thuộc đặc điểm tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế khác nhau.

Người lập chứng từ phải kịp thời đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập và chịu trách nhiệm về việc ghi chép chính xác về số liệu của các nghiệp vụ kinh tế.

Mọi chứng từ kế toán về nguyên vật liệu phải được tổ chức luân chuyển theo trình tự và thời gian do kế toán trưởng quy định, phục vụ cho việc phản ánh, ghi chép, tổng hợp kịp thời của các bộ phận cá nhân có liên quan.

1.5.1.2. Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết nguyên vật liệu
- Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu.
- Sổ đối chiếu luân chuyển, sổ số dư, sổ cái tài khoản 151, 152.
- Bảng kê nhập, xuất (nếu có).

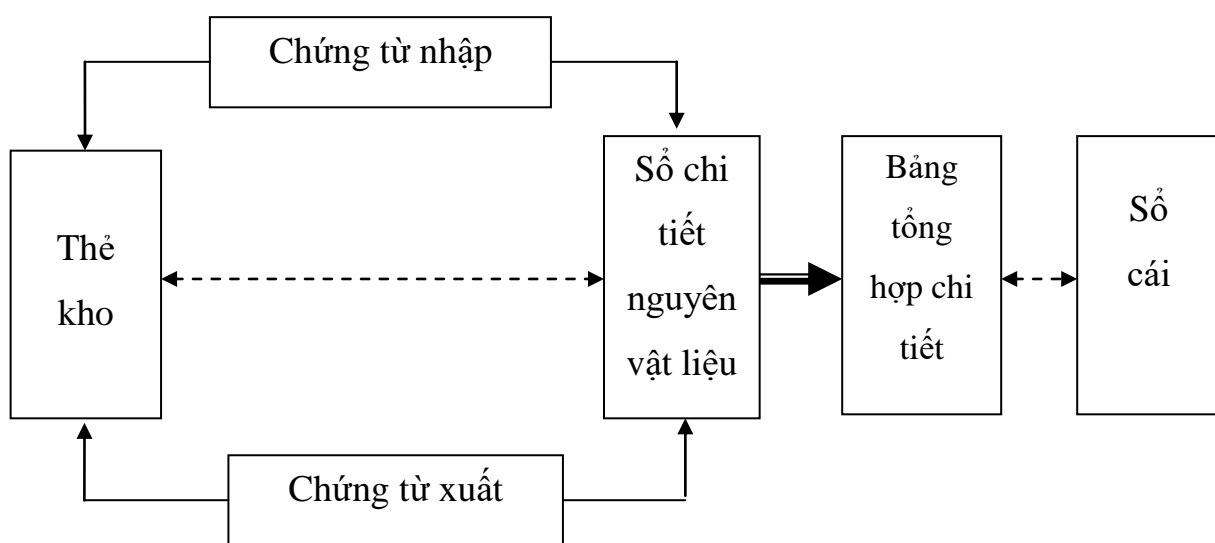
1.5.2. Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

1.5.2.1. Hạch toán theo phương pháp thẻ song song.

- Đặc điểm của phương pháp thẻ song song là sử dụng các sổ chi tiết để theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động của từng mặt hàng tồn kho cả về số lượng và trị giá.
- Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi nhận chứng từ tại kho, kế toán tiến hành việc kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào các sổ chi tiết cả về số lượng và giá trị.
- Cuối tháng, kế toán đối chiếu số liệu tồn kho theo chi tiết từng loại trên sổ chi tiết với số liệu tồn kho trên thẻ kho và số liệu kiểm kê thực tế, nếu có chênh lệch phải được xử lý kịp thời. Sau khi đã đối chiếu và đảm bảo số liệu đã khớp đúng, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chi tiết nhập-xuất tồn kho nguyên, vật liệu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết nhập-xuất tồn kho nguyên, vật liệu được dùng để đối chiếu với số liệu trên tài khoản 152 “nguyên, vật liệu” trong sổ cái.
- Phương pháp này đơn giản, dễ dàng ghi chép và đối chiếu, song cũng tồn tại nhược điểm là sự trùng lặp trong công việc. Tuy nhiên, phương pháp này rất tiện lợi khi doanh nghiệp xử lý công việc bằng máy tính.

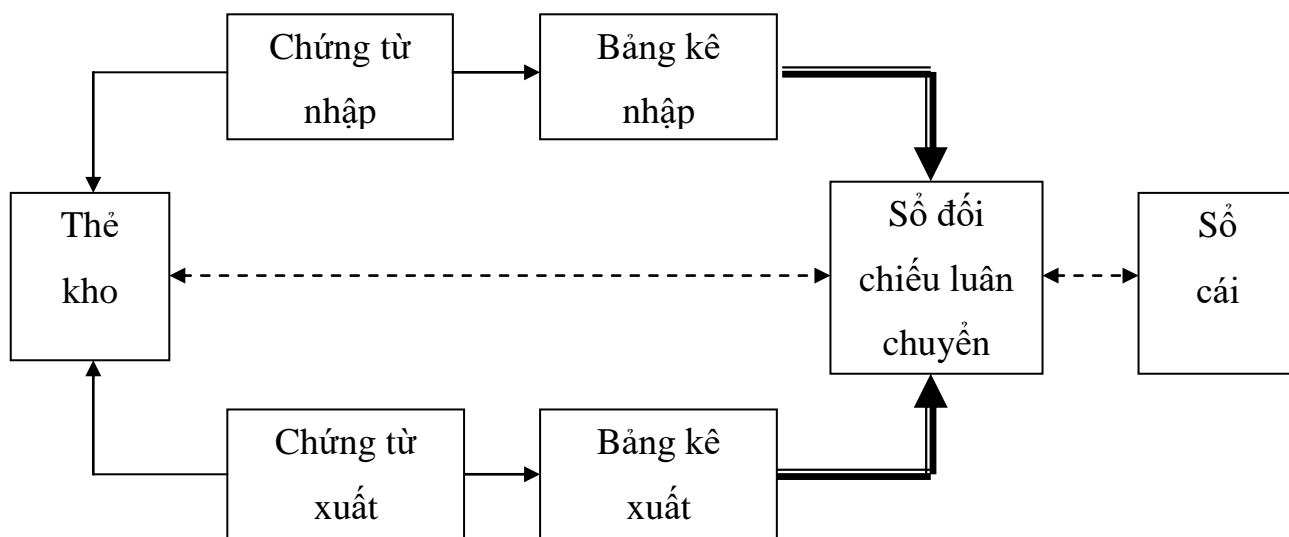


- *Ghi chú :** Ghi hàng ngày hoặc định kỳ. \longrightarrow
- Ghi cuối kỳ. \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra. \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song

1.5.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- Sử dụng để theo dõi sự biến động của từng mặt hàng tồn kho cả về số lượng và trị giá. Việc ghi sổ chỉ thực hiện một lần vào cuối tháng và mỗi danh điểm vật tư chỉ được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.
- Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi nhận chứng từ tại kho, kế toán cần kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào các bảng kê nhập xuất cả về mặt số lượng và giá trị theo từng loại vật liệu.
- Cuối tháng, kế toán cần tổng hợp số lượng và giá trị từng loại nguyên vật liệu đã nhập-xuất trong tháng và tiến hành vào sổ đối chiếu luân chuyển.
- Kế toán cần đối chiếu số liệu tồn kho theo chi tiết từng loại nguyên liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với số liệu trên thẻ kho và số liệu kiểm kê thực tế, nếu chênh lệch phải được xử lý kịp thời.
- Sau khi đã đối chiếu và đảm bảo số liệu đã khớp đúng, kế toán tiến hành tính tổng trị giá nguyên, vật liệu nhập-xuất trong kỳ và tồn kho cuối kỳ. Số liệu này dùng để đối chiếu với số liệu trên tài khoản 152 “nguyên, vật liệu” trong sổ cái.
- Phương pháp này đơn giản, dễ dàng nhưng còn có nhược điểm là tập trung công việc vào cuối tháng nhiều, ảnh hưởng đến tính kịp thời và đầy đủ của việc cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu dùng khác nhau.



- *Ghi chú :** Ghi hàng ngày hoặc định kỳ. →
 Ghi cuối kỳ. ⇒
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra. ↔

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

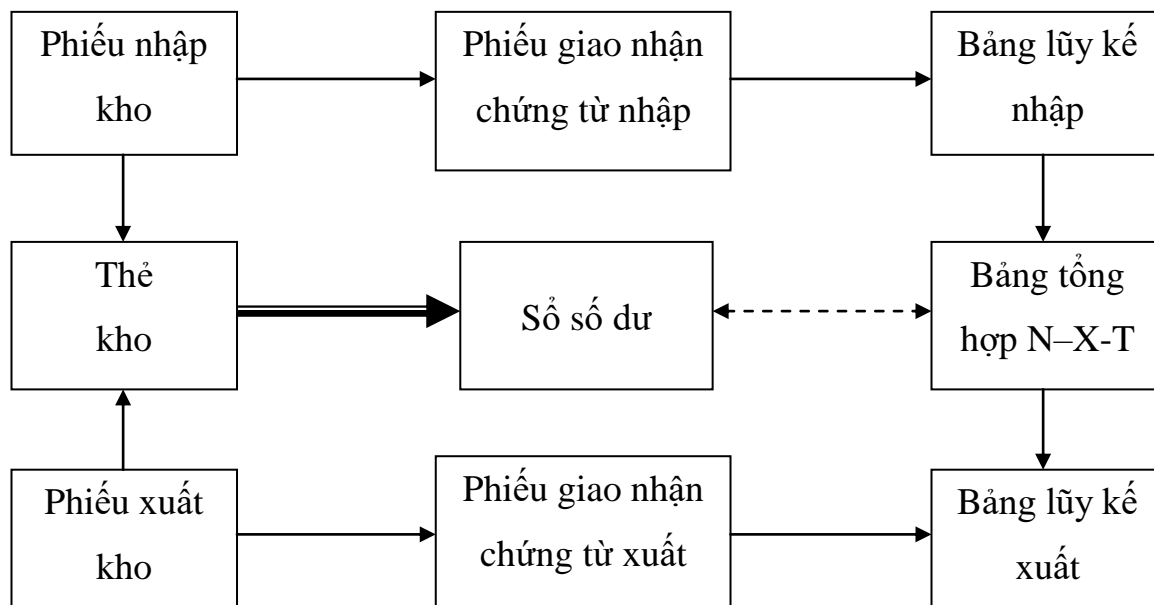
1.5.2.3. Phương pháp sổ số dư.

- Sử dụng để theo dõi sự biến động của từng mặt hàng tồn kho chỉ về mặt giá trị theo giá hạch toán mà theo đó phương pháp này thường được dùng cho các doanh nghiệp sử dụng giá hạch vật liệu để ghi sổ kế toán trong kỳ.
- Định kỳ sau khi nhận chứng từ tại kho, kế toán cần kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ.
- Căn cứ vào phiếu giao nhận chứng từ, kế toán phản ánh số liệu, vào bảng lũy kế nhập-xuất và tồn kho cho từng loại vật liệu.
- Cuối tháng, kế toán cần tổng hợp số liệu nhập-xuất trong tháng và xác định số dư cuối tháng của từng loại vật liệu trên bảng lũy kế, số lượng từng loại vật liệu tồn kho trên sổ số dư do thủ kho chuyển về phải khớp với số lượng tồn kho ở thẻ kho và số lượng tồn kho thực tế, trị giá từng loại vật liệu tồn kho trên sổ cái phải khớp với trị giá tồn kho trên bảng lũy

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kế, số liệu tổng cộng trên bảng lũy kế dùng để đối chiếu với số liệu trên tài khoản 152 “nguyên, vật liệu” trong sổ cái.

- Phương pháp này thực hiện công việc kế toán thủ công, hạn chế sự trùng lặp trong công việc giữa thủ kho và nhân viên kế toán.



- *Ghi chú :** Ghi hàng ngày hoặc định kỳ. \longrightarrow
Ghi cuối kỳ. \Longrightarrow
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra. \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp sổ số dư.

1.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Các doanh nghiệp sẽ thực hiện áp dụng 1 trong 2 phương pháp kế toán tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp này phải phù hợp với đặc điểm, tính chất, chủng loại vật tư, hàng hóa và nhất quán trong mỗi niên độ kế toán.

1.6.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động nhập, xuất, tồn vật liệu trên sổ kế toán. Sử dụng phương pháp này có thể tính được trị giá nguyên vật liệu nhập, xuất, tồn tại bất kỳ thời điểm nào trên sổ tổng hợp. Trong phương pháp này, tài khoản nguyên vật liệu được phản ánh theo đúng nội dung tài khoản tài sản.

| | | | | | | |
|-----------------------------------|---|--------------------------------------|---|---|---|---|
| Trị giá vật tư cuối kỳ | = | Trị giá vật tư tồn đầu kỳ | + | Trị giá vật tư nhập trong kỳ | - | Trị giá vật tư xuất trong kỳ |
|-----------------------------------|---|--------------------------------------|---|---|---|---|

Phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có giá trị truyền vật liệu lớn.

1.6.1.1. Tài khoản kế toán sử dụng:***Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu"**

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu TK 152:**❖ Bên Nợ:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

❖ **Bên Có:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua;
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

❖ **Dư nợ:**

- Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

***Tài khoản 151 “ Hàng mua đang đi đường”**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại NVL mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho.

Kết cấu TK 151:

❖ Bên Nợ:

- Giá trị nguyên vật liệu đang đi đường.

❖ Bên Có:

- Giá trị nguyên vật liệu đi đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho các đối tượng sử dụng.

❖ Dư Nợ:

- Giá trị nguyên vật liệu đi đường chưa về nhập kho.

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng 1 số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331, 515...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.6.1.2. Phương pháp hạch toán.

1. Khi mua nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ hóa đơn, phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (giá mua chưa có thuế GTGT).

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331).

Có các TK 111, 112, 141, 331,... (tổng giá thanh toán).

- Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu bao gồm cả thuế GTGT.

2. Kế toán nguyên vật liệu trả lại cho người bán, khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được khi mua nguyên vật liệu:

- Trường hợp trả lại nguyên vật liệu cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

- Trường hợp khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được sau khi mua nguyên, vật liệu (kể cả các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế về bản chất làm giảm giá trị bên mua phải thanh toán) thì kế toán phải căn cứ vào tình hình biến động của nguyên vật liệu để phân bổ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được hưởng dựa trên số nguyên vật liệu còn tồn kho, số đã xuất dùng cho sản xuất sản phẩm hoặc cho hoạt động đầu tư xây dựng hoặc đã xác định là tiêu thụ trong kỳ:

Nợ các TK 111, 112, 331,....

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (nếu NVL còn tồn kho).

Có các TK 621, 623, 627, 154 (nếu NVL đã xuất dùng cho sản xuất).

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang (nếu NVL đã xuất dùng cho hoạt động đầu tư xây dựng).

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu sản phẩm do NVL đó cấu thành đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Có các TK 641, 642 (NVL dùng cho hoạt động bán hàng, quản lý).

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

3. Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hóa đơn mua hàng nhưng nguyên liệu, vật liệu chưa về nhập kho doanh nghiệp thì kế toán lưu hóa đơn vào một tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

- Nếu trong tháng hàng về thì căn cứ vào hóa đơn, phiếu nhập kho để ghi vào tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

- Nếu đến cuối tháng nguyên liệu, vật liệu vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn, kế toán ghi nhận theo giá tạm tính:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường.

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán; hoặc

Có các TK 111, 112, 141,...

- Sang tháng sau, khi nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ vào hóa đơn và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường.

4. Khi trả tiền cho người bán, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, thì khoản chiết khấu thanh toán thực tế được hưởng được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán.

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (chiết khấu thanh toán).

5. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu

- Khi nhập khẩu nguyên vật liệu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312) (nếu thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu không được khấu trừ).

Có TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu).

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

- Trường hợp mua nguyên vật liệu có trả trước cho người bán một phần bằng ngoại tệ thì phần giá trị nguyên vật liệu tương ứng với số tiền trả trước được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị nguyên vật liệu bằng ngoại tệ chưa trả được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm mua nguyên vật liệu.

6. Các chi phí về thu mua, bốc xếp, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về kho doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331).

Có các TK 111, 112, 141, 331,...

7. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công, chế biến:

- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi phát sinh chi phí thuê ngoài gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, 141,...

- Khi nhập lại kho số nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến xong, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

8. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế:

- Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu để tự chế biến, ghi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu đã tự chế, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

9. Đối với nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê đã xác định được nguyên nhân thì căn cứ nguyên nhân thừa để ghi sổ, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì căn cứ vào giá trị nguyên liệu, vật liệu thừa, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

- Khi có quyết định xử lý nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện trong kiểm kê, căn cứ vào quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

Có các tài khoản có liên quan.

- Nếu xác định ngay khi kiểm kê số nguyên liệu, vật liệu thừa là của các doanh nghiệp khác khi nhập kho chưa ghi tăng TK 152 thì không ghi vào bên Có tài khoản 338 (3381) mà doanh nghiệp chủ động ghi chép và theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, ghi:

Nợ các TK 621, 623, 627, 641, 642,...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

11. Xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

12. Đối với nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết: Khi xuất nguyên liệu, vật liệu, ghi:

Nợ các TK 221, 222 (theo giá đánh giá lại).

Nợ TK 811 - Chi phí khác (giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (theo giá trị ghi sổ).

Có TK 711 - Thu nhập khác (giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ).

13. Khi xuất nguyên liệu, vật liệu dùng để mua lại phần vốn góp tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết, ghi:

- Ghi nhận doanh thu bán nguyên vật liệu và khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, ghi:

Nợ các TK 221, 222 (theo giá trị hợp lý).

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra phải nộp.

- Ghi nhận giá vốn nguyên vật liệu dùng để mua lại phần vốn góp tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết, ghi.

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

14. Đối với nguyên liệu, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê

Mọi trường hợp thiếu hụt nguyên liệu, vật liệu trong kho hoặc tại nơi quản lý, bảo quản phát hiện khi kiểm kê phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân, xác định người phạm lỗi. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để ghi sổ kế toán:

- Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán;

- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (hao hụt vật liệu trong định mức), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý).

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ TK 111 - Tiền mặt (người phạm lỗi nộp tiền bồi thường).

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (tiền bồi thường của người phạm lỗi).

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (trừ tiền lương của người phạm lỗi).

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (phần giá trị hao hụt, mất mát nguyên liệu, vật liệu còn lại phải tính vào giá vốn hàng bán).

Có TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý).

15. Đối với nguyên vật liệu, phế liệu ứ đọng, không cần dùng

- Khi thanh lý, nhượng bán nguyên vật liệu, phế liệu, kế toán phản ánh giá vốn ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán;

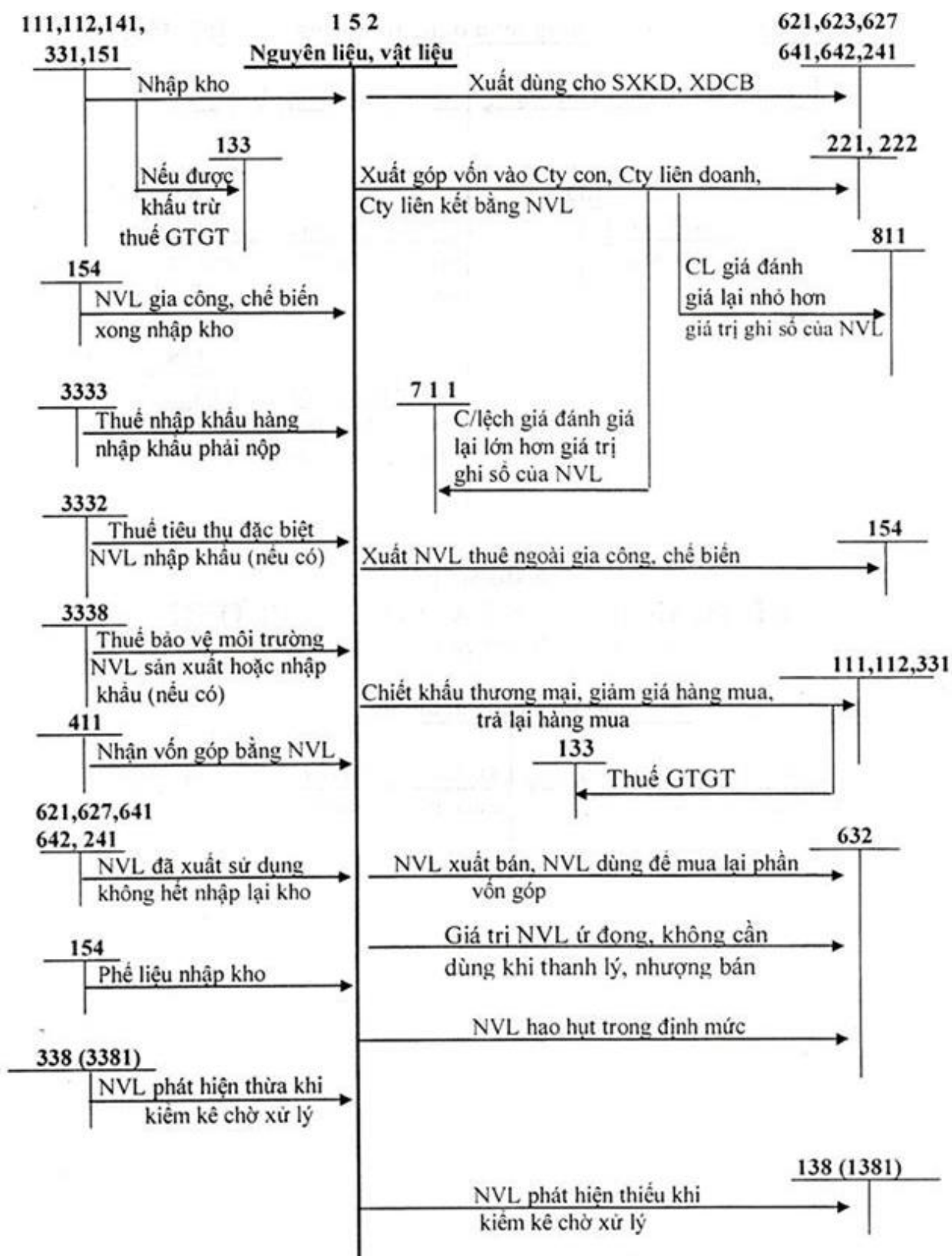
Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Kế toán phản ánh doanh thu bán nguyên vật liệu, phế liệu, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131;

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5118);

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.6.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra trị giá vật tư, hàng hoá đã xuất.

| | | | | | | |
|------------------------------------|---|--------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------|
| Tri giá vật tư xuất kho | = | Tri giá vật tư tồn đầu kỳ | + | Tổng giá vật tư mua vào trong kỳ | - | Tri giá vật tư tồn cuối kỳ |
|------------------------------------|---|--------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------|

Theo phương pháp này, mọi biến động về vật tư không được theo dõi, phản ánh trên tài khoản 152, giá trị vật tư mua vào được phản ánh trên tài khoản "Mua hàng".

Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

1.6.2.1. Tài khoản sử dụng.

***Tài khoản 152 "Nguyên vật liệu"**

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu TK 152:

❖ **Bên Nợ:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

❖ **Bên Có:**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua;
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

❖ Dư nợ:

- Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

*Tài khoản 611 "Mua hàng":

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, xuất trong kỳ.

Kết cấu TK 611:

❖ Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá vật tư tồn đầu kỳ
- Trị giá vật tư nhập trong kỳ

❖ Bên Có:

- Kết chuyển trị giá vật tư tồn cuối kỳ
- Kết chuyển trị giá vật tư xuất trong kỳ

Tài khoản 611 đầu kỳ và cuối kỳ không có số dư, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6111 "Mua nguyên vật liệu"
- TK 6112 "Mua hàng hoá"

Nội dung, kết cấu tài khoản 611:

❖ Bên Nợ:

- Giá trị vật tư tồn, vật tư đi đường đầu kỳ
- Giá trị vật tư tồn, vật tư đi đường cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Bên Có:

- Kết chuyển giá trị vật tư tồn, vật tư đi đường đầu kỳ

1.6.2.2. Phương pháp hạch toán

- Đầu kỳ, kết chuyển giá trị vật tư tồn đầu kỳ:

Nợ TK 611: Mua hàng

Có TK 152

- Trong kỳ, phản ánh giá trị vật tư tăng:

- + Đối với doanh nghiệp thương mại, ghi:

Nợ TK 611: Trị giá thực tế hàng nhập kho

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331...

- + Đối với doanh nghiệp sản xuất: Phản ánh giá trị thành phẩm hoàn thành nhập kho hoặc đem đi tiêu thụ ngay, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 631: Giá thành sản xuất

- Cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê, xác định được giá trị tồn cuối kỳ, ghi:

Nợ TK 152

Có TK 611: Mua nguyên vật liệu (đối với doanh nghiệp thương mại)

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (đối với doanh nghiệp sản xuất)

- Sau khi có đầy đủ các bút toán trên,

- + Kế toán tính ra được giá thực tế nguyên vật liệu đã sử dụng trong kỳ ghi:

Nợ TK 621, 627, 641, 642

Có TK 611: Mua hàng (đối với doanh nghiệp thương mại)

- + Kế toán xác định giá trị thành phẩm đã tiêu thụ trong kỳ, ghi:

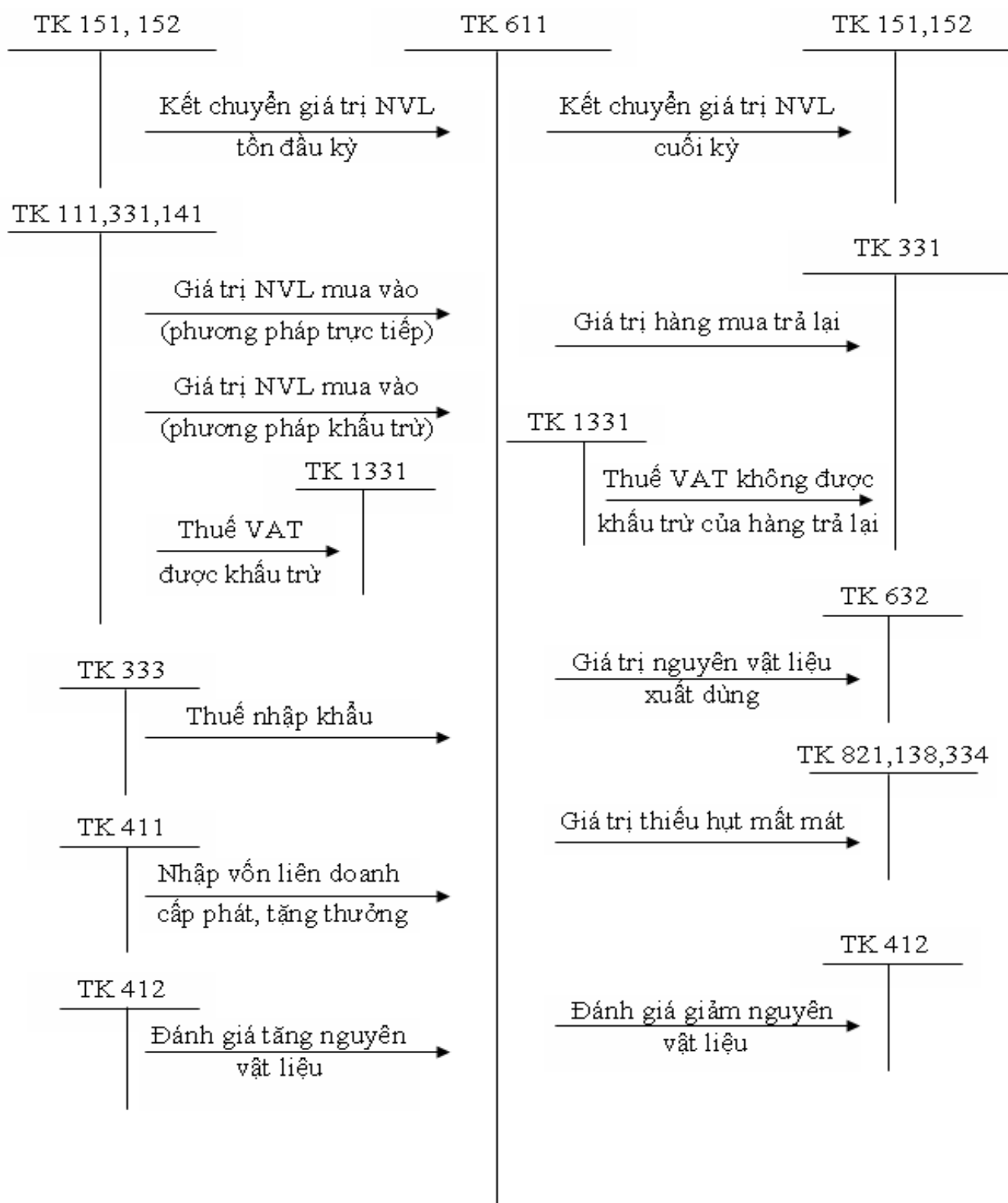
Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (đối với doanh nghiệp sản xuất)

- + Kế toán xác định tổng trị giá hàng hóa đã xuất bán, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 611: Mua hàng



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.7. Tổ chức công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp.

1.7.1. Khái niệm.

Kiểm kê vật liệu là một biện pháp nhằm bổ sung và kiểm tra hiện trạng vật liệu mà các phương pháp kế toán chưa phản ánh được. Thông qua kiểm kê doanh nghiệp nắm được thực trạng của vật liệu cả về số lượng và chất lượng ngăn ngừa hiện tượng tham ô lãng phí có biện pháp kịp thời xử lý những hiện tượng tiêu cực nhằm quản lý tốt vật liệu.

Tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp kiểm kê có thể được thực hiện theo phạm vi toàn doanh nghiệp hay từng bộ phận, đơn vị, kiểm kê định kỳ hay kiểm kê bất thường.

Khi kiểm kê, doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban kiểm kê, Hội đồng một ban kiểm kê phải có thành phần đại diện lãnh đạo, những người chịu trách nhiệm vật chất về bảo vệ vật liệu, phòng kế toán và đại diện nhân viên của doanh nghiệp. Khi kiểm kê phải thực hiện cân đo, đóng, đếm và phải lập biên bản kiểm kê (mẫu 05- VT) xác định số chênh lệch giữa số liệu thực kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, trình bày ý kiến xử lý chênh lệch.

1.7.2. Phương pháp kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho.

1.7.2.1. Phương pháp kiểm kê thường xuyên.

Mức độ kiểm kê nguyên vật liệu thường xuyên có thể là hàng ngày, vài ngày, hàng tuần hoặc sau mỗi đợt xuất nhập hàng. Áp dụng cho doanh nghiệp lưu trữ các sản phẩm thiết bị, máy móc, hàng hóa đặc trưng có giá trị cao, đơn vị xây dựng lắp đặt,...

- Ưu điểm: Có thể xác định được chính xác, liên tục lượng nguyên vật liệu tồn kho vào bất kỳ thời điểm nào, hạn chế tối đa các vấn đề thất thoát, sai lệch. Chủ doanh nghiệp sẽ nắm bắt được tình hình nguyên vật liệu sớm để có kế hoạch kinh doanh, xả hàng.
- Nhược điểm: Kiểm kê thường xuyên sẽ khá tốn nhân sự lẫn thời gian, khối lượng công việc của kế toán cũng nhiều hơn.

1.7.2.2. Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Thời gian kiểm kê nguyên vật liệu được lên kế hoạch cụ thể, ví dụ như hàng tháng, hàng quý, nửa năm hay theo cuối kỳ quy ước của doanh nghiệp. Hình thức này được nhiều doanh nghiệp hiện nay áp dụng đối với loại hình kinh doanh hàng số lượng lớn, giá trị thấp hoặc trung bình, sản phẩm đa dạng chủng loại mẫu mã, hàng thương mại điện tử thường xuyên xuất lẻ,...

- Ưu điểm: Công việc tập trung vào một thời điểm, không mất nhiều thời gian như hình thức kiểm kê thường xuyên. Có thể áp dụng trong vài ngày nhưng xét về lâu ngày thì kế toán sẽ “dễ thở” hơn.
- Nhược điểm: Thời gian giãn cách giữa các lần kiểm kê khá xa, nên chủ doanh nghiệp khó nắm bắt chính xác tình hình, nếu có vấn đề sơ sót sẽ khó điều tra phát hiện hơn.

Như vậy, tùy nhu cầu của doanh nghiệp cũng như quy mô, nguồn nhân lực và chính sách kho vật tư để chọn ra phương pháp kiểm kê nguyên vật liệu phù hợp.

1.7.3. Quy trình kiểm kê nguyên vật liệu.

❖ *Trước khi thực hiện kiểm kê nguyên vật liệu.*

Đối với kiểm kê hàng định kỳ, không thường xuyên thì việc cần làm là như sau:

- Thông báo cho các bộ phận liên quan để có sự chuẩn bị tốt hơn. Trong những ngày tiến hành kiểm kê, nếu cảm thấy cần thiết có thể thông báo với nhà cung cấp hoặc đối tác, khách hàng (nếu có) để tránh sự phiền hà, hoặc hạn chế tần suất nhập xuất hàng.
- Phân công người chịu trách nhiệm tham gia kiểm kê (thường là thủ kho kết hợp với kế toán, hoặc người quản lý, chủ doanh nghiệp,...)
- Lên kế hoạch kiểm kê cụ thể: khu vực nào kiểm hàng trước, khu vực nào kiểm hàng sau,...
- Trước ngày tiến hành kiểm kho, cần rà soát lại báo cáo danh sách tồn kho gần nhất để tiến hành thanh lý, xả hàng hoặc xử lý hàng cận date, hàng hư

lỗi,... Việc này nhằm để giảm bớt khối lượng công việc trong giai đoạn kiểm kê.

❖ *Các bước kiểm kê nguyên vật liệu.*

Bước 1: Căn cứ vào phần mềm quản lý, báo cáo tồn kho hoặc thẻ kho để lập bảng kê nguyên vật liệu. Trong mẫu kiểm kê nguyên vật liệu có các cột chi tiết như Tên hàng; Mã hàng; Số lượng hàng trong báo cáo; Số lượng kiểm kê thực tế; Ghi chú,...

Bước 2: Tiến hành kiểm số lượng hàng thực tế tại kho, ghi chú vào mẫu biên bản kiểm kê có sẵn. Nguyên tắc nên có 2 người cùng thực hiện song song, ghi số liệu độc lập vào hai biên bản khác nhau để tăng tính chính xác.

Bước 3: So sánh 2 biên bản kiểm kê (cột số lượng thực tế) xem có sự chênh lệch hay không. Nếu có, cần kiểm đếm lại một lần nữa để có được số liệu nguyên vật liệu thực tế chính xác nhất.

Bước 4: Sau khi đã chốt lại lượng nguyên vật liệu thực tế cuối cùng, thực hiện đối chiếu giữa con số này với số lượng trong báo cáo. Trường hợp có sự chênh lệch thì người chịu trách nhiệm trực tiếp (như thủ kho, nhân viên kho khu vực,...) phải giải trình cụ thể.

Bước 5: Nếu có chênh lệch, điều chỉnh lại số liệu đúng theo thực tế

Bước 6: Lập biên bản kiểm kê vật tư sau khi hoàn tất, các bên liên quan ký xác nhận đầy đủ.

Bước 7: Với các trường hợp sai lệch, ban quản lý hoặc chủ doanh nghiệp cần tìm hiểu để làm rõ nguyên nhân. Có các trường hợp sau:

- Chênh lệch thừa (số lượng thực tế nhiều hơn trong báo cáo) có thể do nhầm lẫn trong khâu ghi số liệu báo cáo, làm báo cáo sai, quên nhập số liệu vào hệ thống khi nhập hàng,...
- Chênh lệch thiếu (hàng ít hơn trong báo cáo) là vấn đề cần đặc biệt quan tâm. Có thể do nhân viên quên quét mã vạch hay ghi sổ khi xuất hàng, hao hụt do chuyển vị trí, cũng không loại trừ khả năng thất thoát hàng do mất cắp, gian lận,...

1.7.4. Hạch toán kiểm kê nguyên vật liệu.

- Trường hợp kiểm kê phát hiện vật liệu hư hỏng hoặc mất mát ghi:

Nợ TK 1381: Nguyên vật liệu thiếu chờ xử lý.

Có TK 152: Giá thực tế của nguyên vật liệu thiếu.

- Khi có biên bản xử lý, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 334, 3388: Cá nhân bồi thường.

Nợ TK 632: Thiệt hại doanh nghiệp chịu.

Có TK 3381: Giá trị nguyên vật liệu thiếu chờ xử lý.

- Nếu xác định là vật liệu thừa, trả người khác kế toán ghi vào bên nợ TK 002.

Nếu quyết định mua số vật liệu đó, doanh nghiệp thông báo cho bên bán và ghi:

Nợ TK 152

Có TK 338

Biểu số 1.1. Mẫu biên bản kiểm kê vật tư

Đơn vị:

Mẫu số: 05 - VT

Bộ phận:

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

– Thời điểm kiểm kê...giờ...ngày... tháng...năm....

– Ban kiểm nghiệm bao gồm:

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Trưởng ban

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Ủy viên

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....Đại diện:.....Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư | Mã số | ĐVT | Đơn giá | Theo sổ kế toán | | Theo kiểm kê | | Chênh lệch | | | | Phẩm chất | | |
|-----|---------------------------------|-------|-----|---------|-----------------|------------|--------------|------------|------------|------------|-------|------------|--------------|---------------|---------------|
| | | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | Thừa | | Thiếu | | Còn tốt 100% | Kém phẩm chất | Mất phẩm chất |
| | | | | | | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | | | | | | | | | |

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ **Mục đích:** Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá nhằm xác định số lượng, chất lượng và giá trị vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá có ở kho tại thời điểm kiểm kê làm căn cứ xác định trách nhiệm trong việc bảo quản, xử lý vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá thừa, thiếu và ghi sổ kế toán.

❖ **Phương pháp và trách nhiệm ghi**

Góc trên bên trái của Biên bản kiểm kê vật tư ghi rõ tên đơn vị (hoặc đóng dấu đơn vị), bộ phận sử dụng. Biên bản kiểm kê vật tư phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm thực hiện kiểm kê. Ban kiểm kê gồm Trưởng ban và các uỷ viên.

Mỗi kho được kiểm kê lập 1 biên bản riêng.

Cột A, B, C, D: Ghi số thứ tự, tên, nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính của từng loại vật tư được kiểm kê tại kho.

Cột 1: Ghi đơn giá của từng thứ vật tư (tùy theo quy định của đơn vị để ghi đơn giá cho phù hợp).

Cột 2, 3: Ghi số lượng, số tiền của từng thứ vật tư theo sổ kế toán.

Cột 4, 5: Ghi số lượng, số tiền của từng thứ vật tư theo kết quả kiểm kê.

Nếu thừa so với sổ kế toán (cột 2, 3) ghi vào cột 6, 7, nếu thiếu ghi vào cột 8, 9.

Số lượng vật tư thực tế kiểm kê sẽ được phân loại theo phẩm chất:

- Tốt 100% ghi vào cột 10.
- Kém phẩm chất ghi vào cột 11.
- Mất phẩm chất ghi vào cột 12.

Nếu có chênh lệch phải trình giám đốc doanh nghiệp ghi rõ ý kiến giải quyết số chênh lệch này.

Biên bản được lập thành 2 bản:

- 1 bản phòng kế toán lưu.
- 1 bản thủ kho lưu.

Sau khi lập xong biên bản, trưởng ban kiểm kê và thủ kho, kế toán trưởng cùng ký vào biên bản (ghi rõ họ tên).

1.8. Tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp.

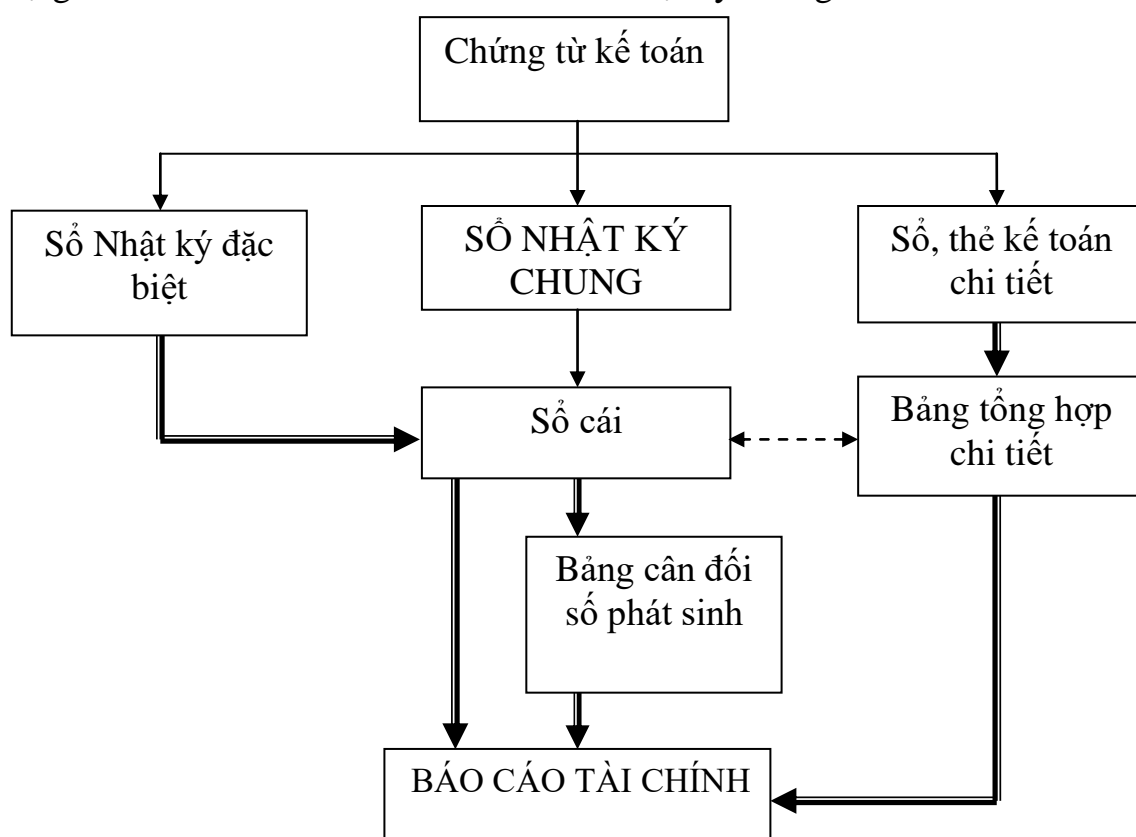
1.8.1. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

*Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.



***Ghi chú** : Ghi hàng ngày hoặc định kỳ. →

Ghi cuối kỳ. ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra. <-.->

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

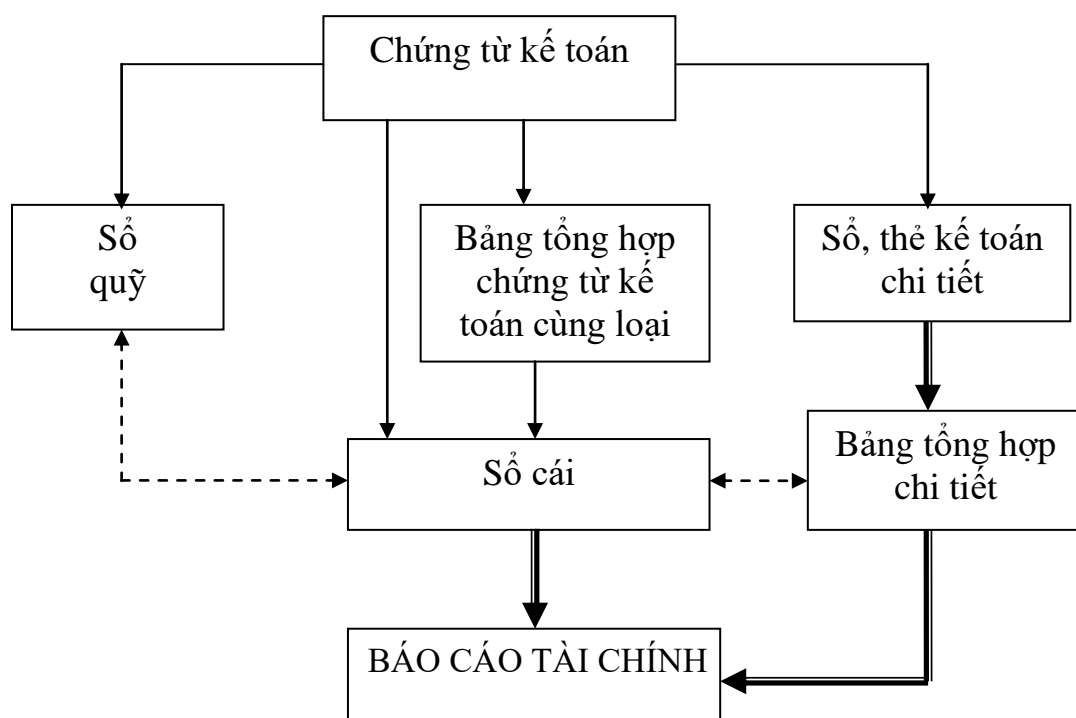
1.8.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết;

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.



- ***Ghi chú** :
- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ. →
 - Ghi cuối kỳ. ⇒
 - Quan hệ đối chiếu, kiểm tra. ⇔

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng số tiền "Phát sinh" ở phần Nhật Ký = Tổng số tiền phát sinh Nợ của tất cả các Tài khoản = Tổng số tiền phát sinh Có của các tài khoản.
- Tổng số dư Nợ các tài khoản = Tổng số dư Có các tài khoản.

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ,

số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.8.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

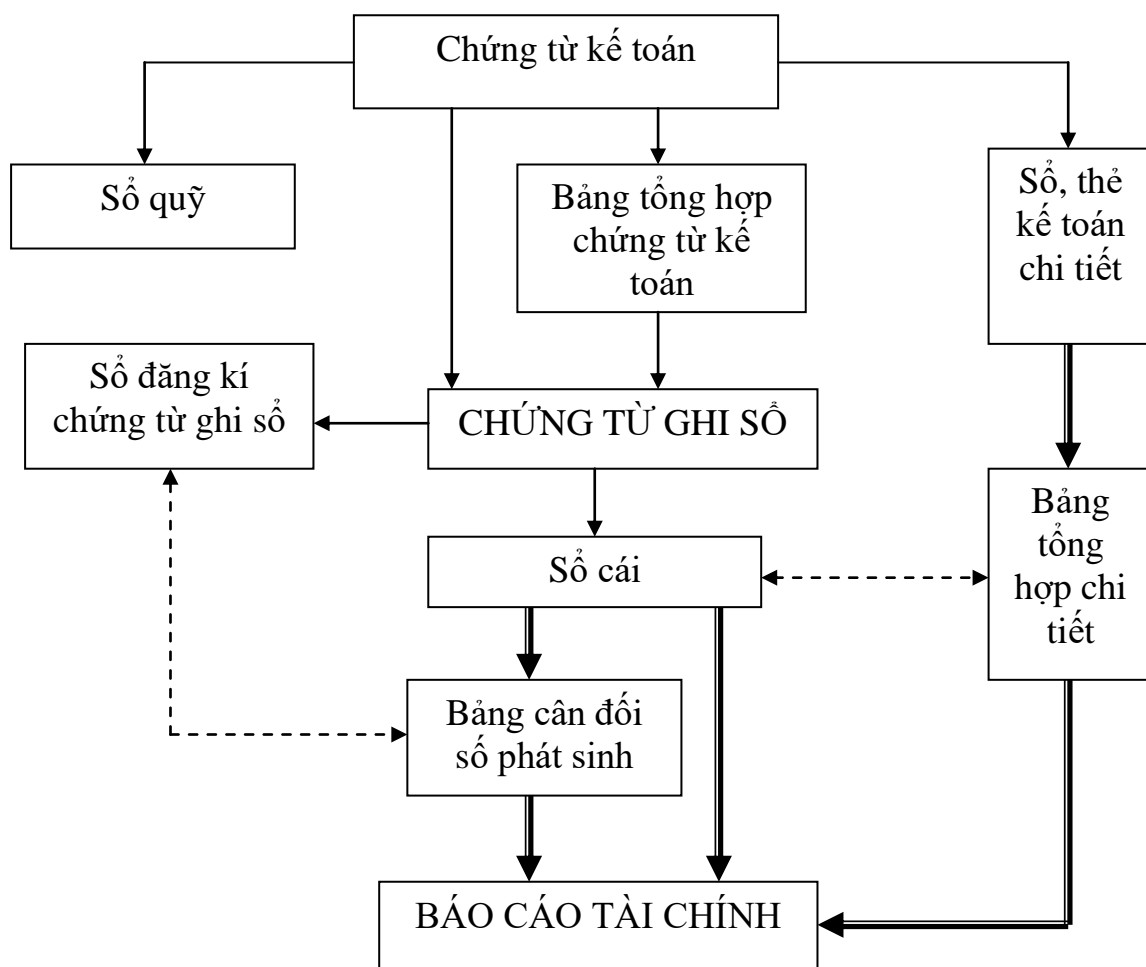
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết;

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:



- ***Ghi chú** :
- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ. →
 - Ghi cuối kỳ. ⇒
 - Quan hệ đối chiếu, kiểm tra. ↔

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số

phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.8.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

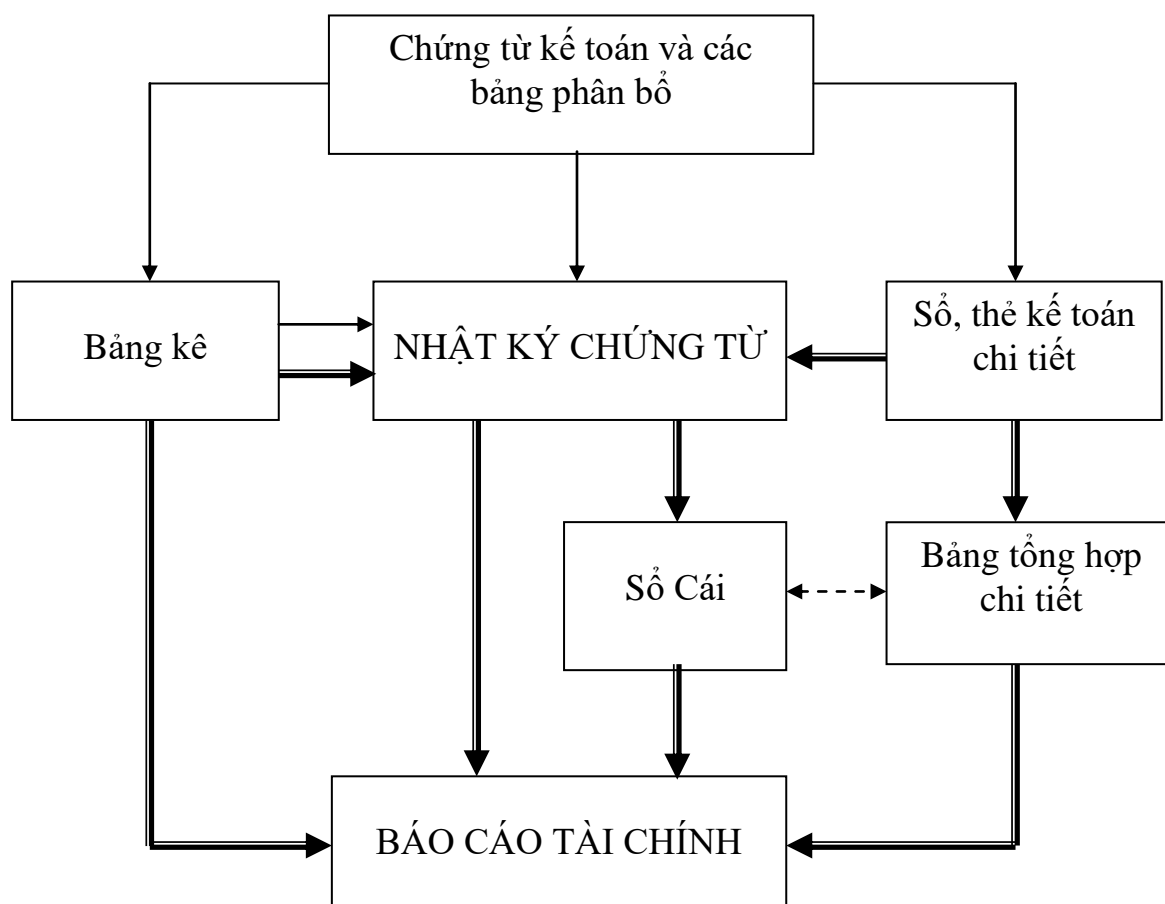
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT):

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính. Hình thức kế toán Nhật ký –

*Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết;

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.



- ***Ghi chú** : Ghi hàng ngày hoặc định kỳ. →
- Ghi cuối kỳ. ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra. <-.....->

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

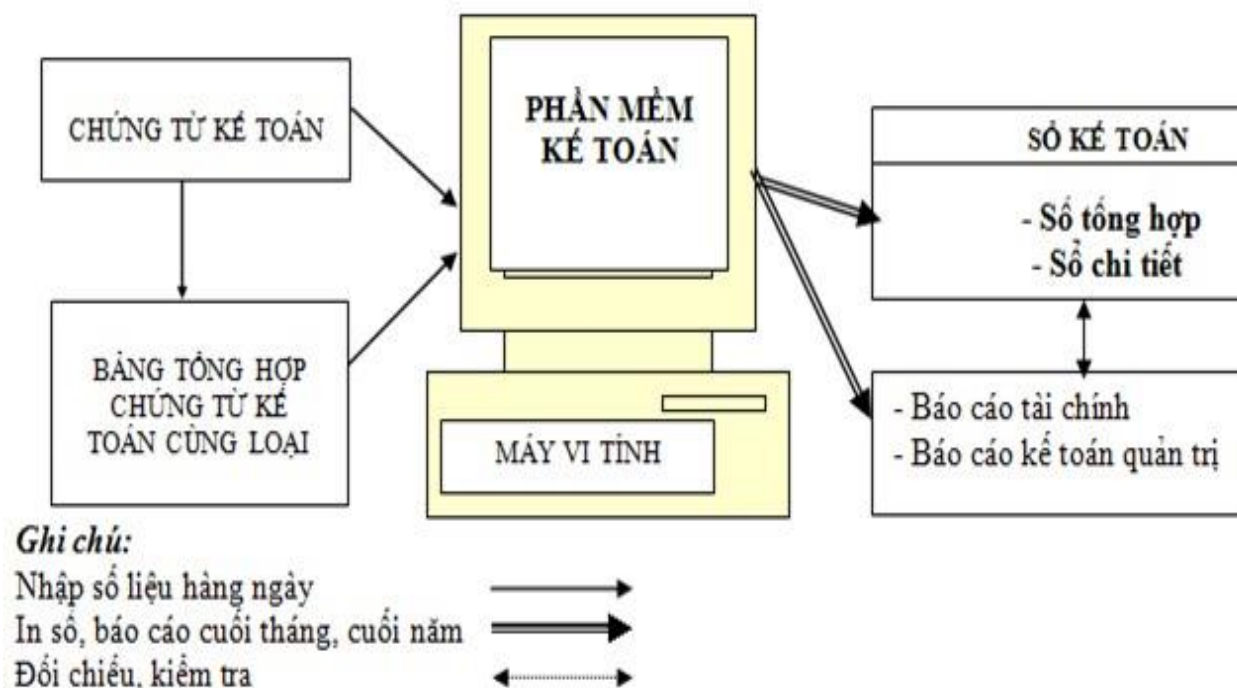
Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.8.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính:



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**PHẦN II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI.**

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

2.1.1 Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Công ty Cổ phần Thịnh Lợi

- Tên giao dịch Quốc tế:
Thinh loi joint stock company.
- Tên viết tắt: THINH LOI . , JSC
- Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 - Phường Đăng Lâm - Quận Hải An - TP Hải Phòng
- Điện thoại: 02253.557939 - Email: thinhloihp@gmail.com
- Tài khoản: 22300256645101 - Tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn - Phòng giao dịch Đông Bắc - Chi nhánh Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200902044
- Vốn điều lệ: 4.500.000.000 đồng
- Công ty cổ phần Thịnh Lợi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200902044 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp ngày 11 tháng 4 năm 2009.
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng Số: HAP-00014137 Sở xây dựng cấp ngày 27 tháng 07 năm 2018

2.1.2. Đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi

2.1.2.1. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.

a. Chức năng.

Công ty Cổ phần Thịnh Lợi có các chức năng sau:

- + Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, cơ sở hạ tầng.
- + Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng.
- + Hoàn thiện công trình xây dựng.
- + Trang trí nội ngoại thất công trình.
- + Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- + Sản xuất xi măng vôi và thạch cao. Sản xuất thép, sắt, gang.

b. Nhiệm vụ.

Nhiệm vụ của công ty được căn cứ dựa vào các yếu tố:

- + Yếu tố xã hội: Góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động trong và ngoài tỉnh.
- + Yếu tố công ty: Đàm phán để ký kết các hợp đồng kinh tế. Thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký kết với đối tác. Đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình thi công, quy cách vật liệu xây dựng theo đúng cam kết từ đó tạo uy tín cho công ty. Duy trì và tăng nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo kinh doanh có lãi, nâng cao và mở rộng quy mô công ty. Bên cạnh đó thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với nhà nước.

2.1.2.2. Phương châm hoạt động của Công ty.

Uy tín – Chất lượng – Hiệu quả

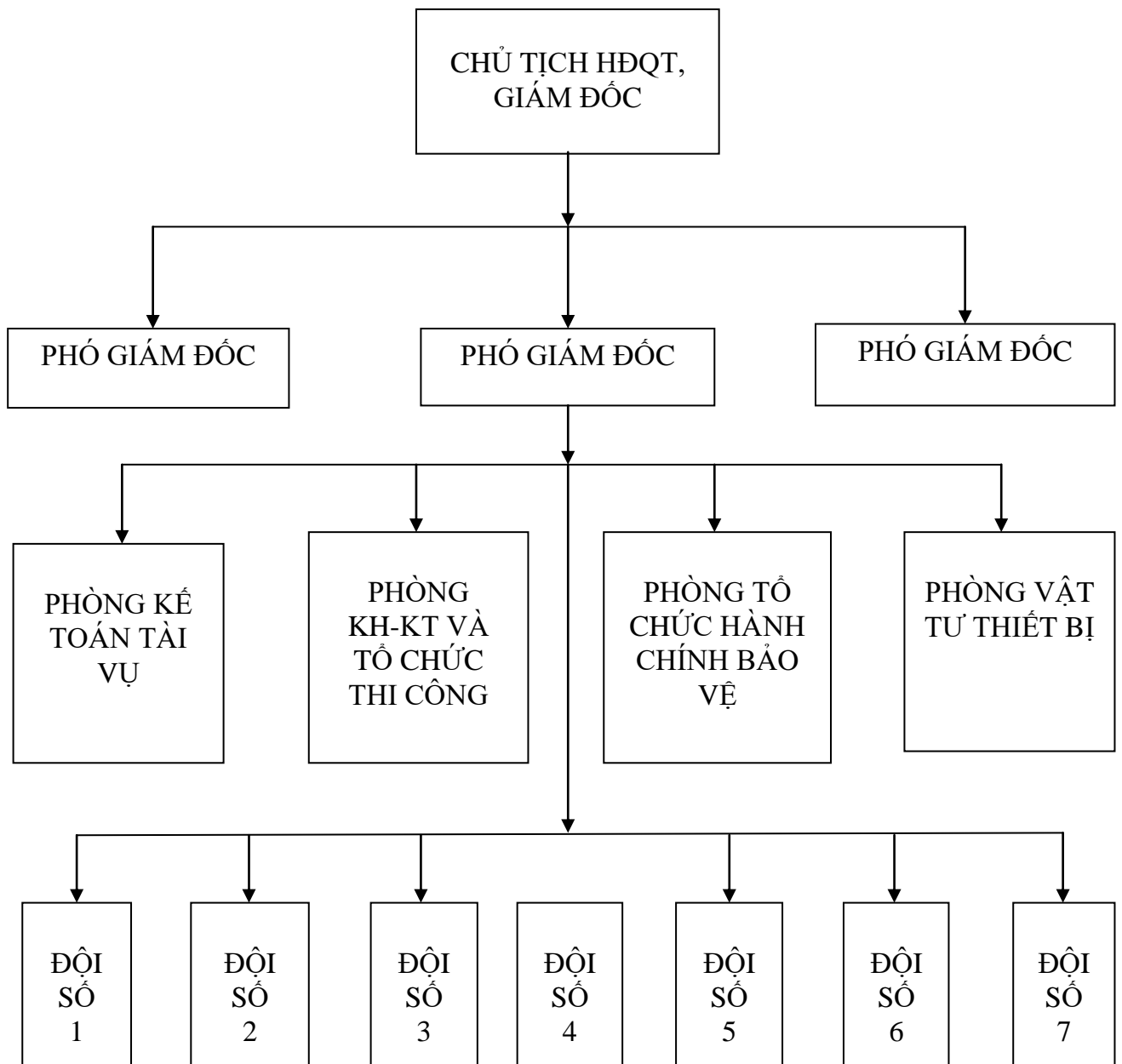
2.1.2.3. Số liệu tài chính của Công ty.

- + Vốn điều lệ: 4.500.000.000đ (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng)
- + Vốn kinh doanh sản xuất: 15.000.000.000đ (Mười năm tỷ đồng)
- + Tài sản cố định: 20.000.000.000đ (Hai mươi tỷ đồng)

2.1.2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty.

Công ty Cổ phần Thịnh Lợi có đầy đủ máy móc thiết bị, phương tiện, dây chuyền đảm bảo phục vụ thi công các công trình xây dựng, giao thông thủy lợi, dân dụng công nghiệp, cơ sở hạ tầng, nạo vét đường sông, kênh mương với trình độ khoa học kỹ thuật cao, đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật thi công các dự án đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc* (Ông Vũ Văn Thắng): là người quản lý cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty. Quyết định về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý của công ty. Điều hành mọi hoạt động của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật và là pháp nhân của công ty.
- *Phó Giám đốc*:
 - ✓ Giúp việc cho Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Giám đốc;
 - ✓ Chủ động và tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hiệu quả các hoạt động.
- *Phòng Kế toán Tài vụ*:
 - ✓ Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.
 - ✓ Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.
 - ✓ Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán.
 - ✓ Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.
- *Phòng KH-KT và Tổ chức thi công*: Nghiên cứu hồ sơ dự án, đề xuất các biện pháp thi công và kiến nghị sửa đổi, kiểm tra chất lượng thiết kế, nghiệm thu kỹ thuật công trình, chịu trách nhiệm về việc lập hồ sơ thầu dự án, lập dự án thi công, lên dự toán, các bước cho một dự án công trình.
- *Phòng Tổ chức Hành chính Bảo vệ*:
 - ✓ Tham mưu và giúp lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ
 - ✓ Bảo vệ chính trị nội bộ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ✓ Đảm nhiệm công tác hành chính – tổng hợp, văn thư - lưu trữ
 - ✓ Phụ trách công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật
 - ✓ Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, pháp chế theo quy định hiện hành
 - ✓ Quản lý công tác bảo vệ và tổ xe.
- *Phòng Vật tư thiết bị*: Thực hiện công tác đấu thầu. Tổ chức thực hiện mua sắm và cung ứng hàng hóa theo kế hoạch đấu thầu đã được phê duyệt. Là đầu mối phối hợp cùng phòng Tài chính - Kế toán quản lý, kiểm tra, báo cáo việc quản lý và sử dụng tài sản, vật tư, thiết bị y tế của các khoa/phòng/trung tâm.
- *Các đội*: Căn cứ theo dự án của Công ty bố trí nhân lực phù hợp đảm bảo tiến độ cho công trình.

2.1.4. Thành tích cơ bản đạt được của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.**Biểu số 2.1: Một số chỉ tiêu kinh tế của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi trong giai đoạn 2017-2019**

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
|-------------------------------|----------------|----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu | 76.422.635.613 | 77.783.230.179 | 121.872.493.035 |
| 2. Tổng chi phí | 72.803.001.362 | 73.802.135.041 | 117.540.235.128 |
| 3. Tổng lợi nhuận | 3.619.634.251 | 3.981.095.138 | 4.332.257.907 |
| 4. Nộp NSNN | 63.241.312 | 68.357.831 | 74.251.367 |
| 6. Thu nhập bình quân của NLĐ | 4.574.125 | 4.925.641 | 5.591.682 |

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

***Nhận xét:**

Nhìn chung, từ 2017 – 2019, công ty có sự tăng trưởng về mọi mặt.

- Doanh thu: Từ 2017 – 2018, doanh thu công ty tăng từ 76.4 tỷ đến 77.7 tỷ. Sang năm 2019, doanh thu công ty tăng vượt trội và đạt 121.8 tỷ. Điều này chứng tỏ công ty đang làm ăn rất tốt
- Tổng chi phí: Do biến động theo quy mô kinh doanh của công ty, tổng chi phí tăng lên qua các năm. Từ 2017 – 2018, tổng chi phí của công ty tăng từ 72.8 tỷ đến 73.8 tỷ. từ năm 2018 – 2019, tổng chi phí của công ty tăng từ 73 tỷ lên tới 117.5 tỷ.
- Các chỉ tiêu lợi nhuận và nộp ngân sách: Theo tình hình kinh doanh, năm 2017 công ty lãi hơn 3.6 tỷ, nộp ngân sách 63.2 trđ. Sang năm 2015, công ty lãi 3.9 tỷ, nộp ngân sách 68.3 trđ. Sang năm 2019, tình hình kinh doanh tốt hơn, công ty có lãi nhiều hơn, lợi nhuận đạt 4.3 tỷ, nộp ngân sách 74.2trđ.
- Thu nhập bình quân của người lao động: Lao động là một trong những yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố duy nhất

tham gia vào quá trình sản xuất có tính sáng tạo và ảnh hưởng lớn tới kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp .

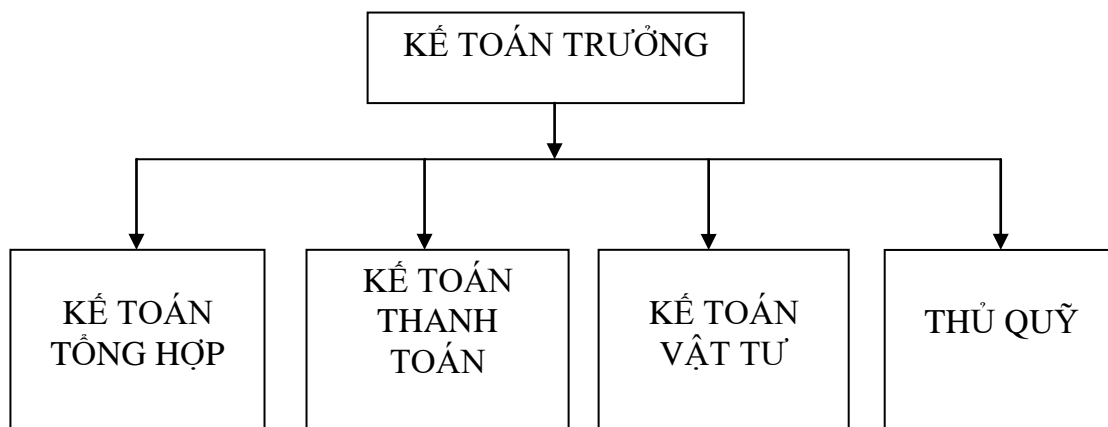
- Từ năm 2017 - 2018, thu nhập bình quân của người lao động tăng lên từ 4.5tr – 4.9 tr. Từ 2018 – 2019, thu nhập bình quân của NLĐ tăng từ 4.9tr đến 5.5tr. Điều này chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ổn định, kết quả sản xuất kinh doanh tốt nên đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, cán bộ công nhân viên trong công ty được nâng cao. Mặt khác ban lãnh đạo công ty cũng quan tâm nhiều đến đời sống của người lao động do đó tổng quỹ lương được nâng lên, các quỹ khen thưởng phúc lợi cũng được nâng lên .

2.1.5. Đặc điểm công tác kế toán của Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

2.1.5.1. Đặc điểm bộ máy kế toán của Công ty.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, tất cả các công tác kế toán đều tập hợp tại phòng Kế toán.

Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty được mô tả qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Kế toán trưởng :*

- + Phụ trách chung, giúp giám đốc công ty trong công tác tham mưu về mặt quản lý tổ chức và chỉ đạo nghiệp vụ, theo dõi tổng hợp số liệu phát sinh trong quá trình quản lý và kinh doanh tại văn phòng công ty.

**Kế toán tổng hợp:*

- + Tổng hợp và phân bổ chi phí, tính lãi lỗ cho hợp đồng SXKD.
- + Lập và trình cho kế toán trưởng báo cáo tài chính theo quy định. Lập kế hoạch tài chính và chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng và ban giám đốc về tính chính xác và tính trung thực của số liệu tổng hợp theo dõi.
- + Có trách nhiệm theo dõi thường xuyên các hoạt động kinh tế phát sinh trong tháng.

**Kế toán vật tư:*

- + Theo dõi sự biến động của vật tư công ty, thanh toán tiền lương cho công nhân, đảm bảo chính xác tính trung thực của số liệu báo cáo.

** Kế toán thanh toán:*

- + Đảm bảo tính trung thực hợp pháp, đầy đủ chính xác các chứng từ thanh toán, theo dõi chi tiết từng tài khoản, tổ chức lưu trữ chứng từ thanh toán.

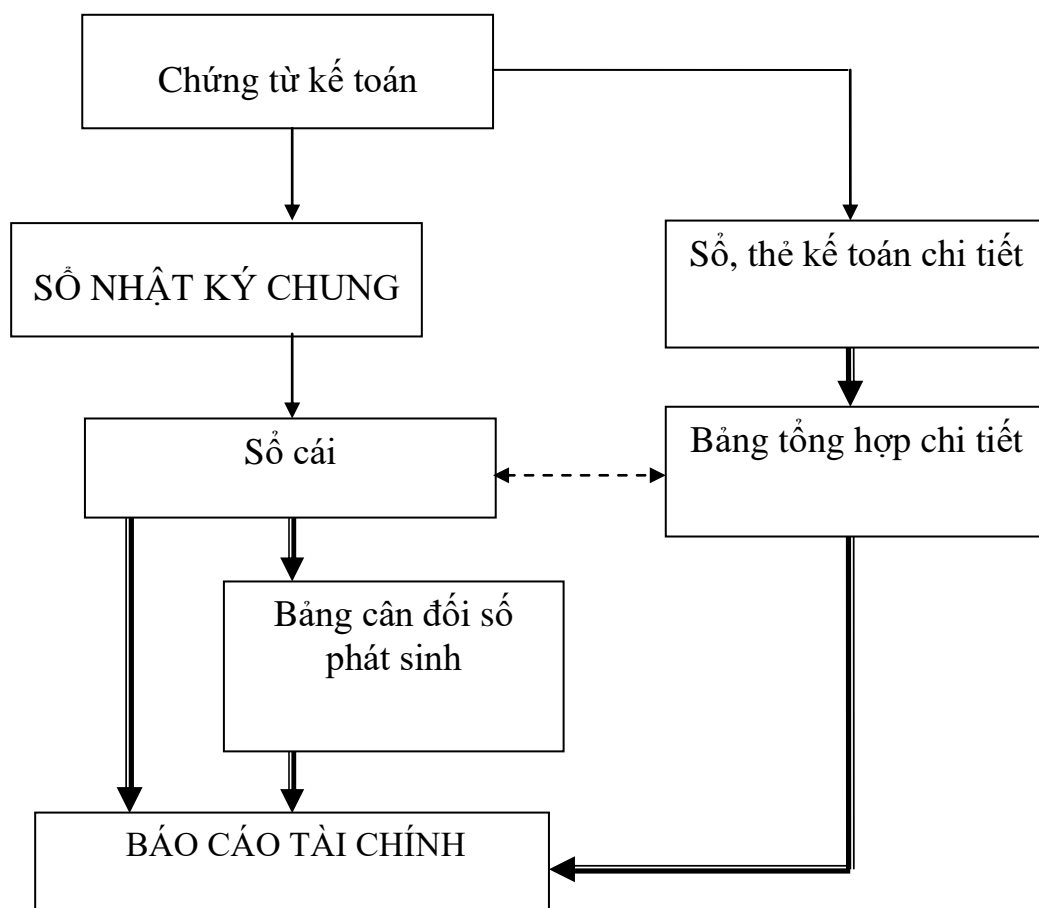
** Thủ quỹ:*

- + Là người thực hiện các nghiệp vụ thu chi phát sinh trong ngày, căn cứ vào chứng từ hợp lệ, ghi rõ quỹ và lập báo cáo quỹ hàng ngày.

2.1.5.2. Hình thức ghi sổ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

a. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty.

Công ty Cổ phần Thịnh lợi áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung.



- ***Ghi chú** :
- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ. →
 - Ghi cuối kỳ. ⇒
 - Quan hệ đối chiếu, kiểm tra. ↔

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Thịnh lợi.

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

b. Chính sách và chế độ kế toán áp dụng tại Công ty.

- + Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014 TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014.
- + Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của bộ tài chính về việc lập báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính).
- + Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/N kết thúc ngày 31/12/N
- + Đơn vị tiền tệ sử dụng Việt Nam Đồng (VNĐ)
- + Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- + Tính giá xuất kho: hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước.
- + Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- + Phương pháp khấu hao: theo đường thẳng.

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

2.2.1. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay, hoạt động chủ yếu của công ty là hoàn thành các công trình do công ty nhận thầu. Vì vậy, công ty sử dụng một lượng lớn Nguyên vật liệu đều là những Nguyên vật liệu có liên quan đến ngành xây dựng như: Đá, xi măng, sắt, thép,... Vì dùng số lượng lớn nên công ty có thể phân loại chi tiết để dễ dàng trong việc quản lý và hạch toán:

- *Nguyên liệu, vật liệu chính:* Xi măng, gạch, sắt, thép, cát, đá,... đều là cơ sở chủ yếu hình thành nên sản phẩm của đơn vị xây dựng, các hạng mục công trình.
- *Nguyên liệu, vật liệu phụ:* Gồm sơn, dầu, mỡ phục vụ cho quá trình thi công.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Nhiên liệu*: Xăng, dầu cung cấp cho các phương tiện, máy móc, thiết bị hoạt động trong quá trình thi công.
- *Phụ tùng thay thế*: Các loại chi tiết phụ tùng thay thế các loại máy móc, máy cày, máy trộn bê tông và phụ tùng thay thế của xe ô tô như mũi khoan, xăm, lốp xe,...
- *Phế liệu thu hồi*: Các đoạn sắt, thép thừa, các vỏ bao xi măng, tre, gỗ không dùng nữa trong quá trình thi công.

**Phương tiện vận tải nguyên vật liệu:*

Các loại xe phục vụ cho vận chuyển nguyên vật liệu và tham gia vào quá trình sản xuất nhằm tiết kiệm được nguồn lao động mà vẫn mang lại chất lượng cho sản xuất như: xe tải, xe kéo, xe nâng,...

Các loại nguyên vật liệu như: cát, sỏi, đá vôi,... được đưa thẳng tới công trình. Công ty xác định mức dự trữ cho sản xuất, định mức hao hụt, hợp lý trong quá trình vận chuyển và bảo quản dựa trên kế hoạch sản xuất do phòng KH - KT và tổ chức thi công đưa ra.

2.2.1.2. Đánh giá nguyên vật liệu tại Công ty.

Nguồn nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi là rất lớn nên Công ty vẫn chưa thể đảm nhiệm sản xuất ra hết nguyên vật liệu để phục vụ thi công công trình mà nguồn nguyên vật liệu vẫn phải mua ngoài.

- Đối với nguyên vật liệu nhập do mua ngoài:
 - + Trường hợp bên bán vận chuyển vật tư cho công ty thì giá thực tế nhập kho chính là giá mua ghi trên hóa đơn.
 - + Trường hợp vật tư do đội xe vận chuyển của công ty thì giá thực tế nhập kho chính là giá mua trên hóa đơn cộng với chi phí vận chuyển.
- Giá thực tế vật liệu xuất dùng cho thi công: Giá thực tế vật liệu xuất dùng cho thi công được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

2.2.2. *Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.*

2.2.2.1. *Chứng từ sử dụng tại Công ty.*

- Phiếu nhập
- Phiếu Xuất Kho
- Giấy đề nghị cung cấp vật tư.
- Biên bản kiểm nghiệm vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Hóa đơn giá trị gia tăng

2.2.2.2. *Sổ sách sử dụng tại Công ty.*

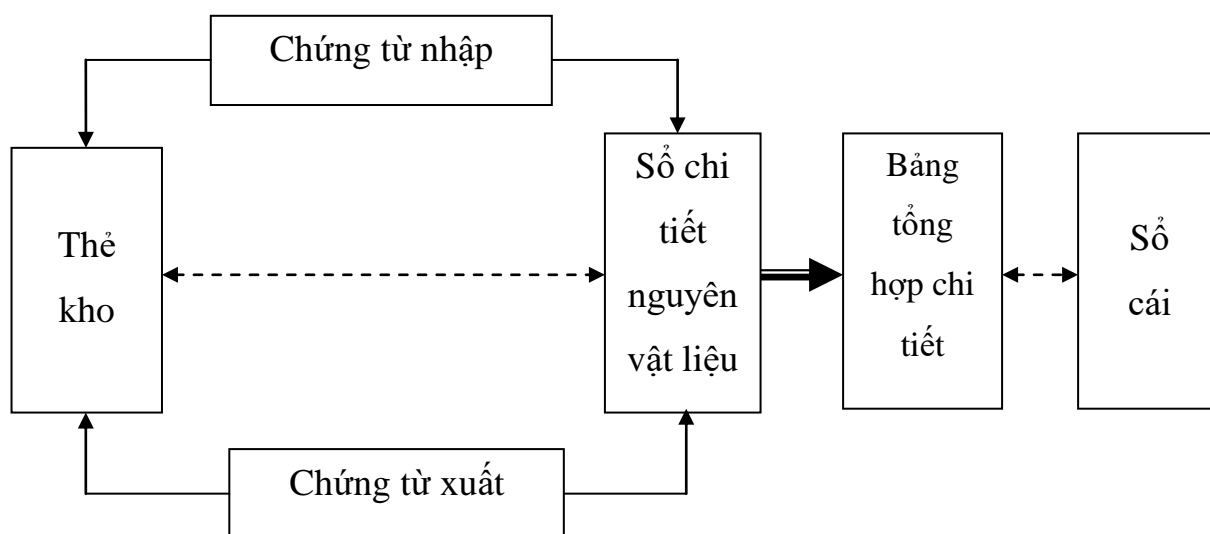
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái
- Sổ chi tiết

2.2.2.3. *Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty.*

Kế toán chi tiết ở công ty sử dụng phương pháp thẻ song song và có một số điều chỉnh cho phù hợp với chương trình quản lý vật tư trên máy vi tính.

Để tổ chức thực hiện được toàn bộ công tác kế toán nguyên vật liệu nói chung và kế toán chi tiết nguyên vật liệu nói riêng, thì trước hết phải có đầy đủ chứng từ kế toán để phản ánh tất cả các nghiệp vụ có liên quan đến nhập xuất nguyên vật liệu. Chứng từ kế toán là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán.

Trình tự luân chuyển chứng từ của công ty được mô tả qua sơ đồ sau:



- *Ghi chú :** Ghi hàng ngày hoặc định kỳ. —————→
 Ghi cuối kỳ. ══════→
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra. ⋯⋯⋯↔

Sơ đồ 2.5: Trình tự luân chuyển chứng từ tại Công ty Cổ phần Thịnh lợi.

Nội dung quy trình hạch toán nguyên vật liệu được tiến hành như sau:

- Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để theo dõi tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu về mặt hiện vật nhằm xác định căn cứ cho việc tồn kho dự trữ nguyên vật liệu, đồng thời cũng xác định được trách nhiệm vật chất của thủ kho.

Mỗi thẻ kho dùng để ghi chép 1 loại nguyên vật liệu. Hằng ngày, khi có nghiệp vụ nhập (xuất) nguyên vật liệu phát sinh sau khi thực hiện công việc nhập (xuất) kho, thủ kho sẽ ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào phiếu nhập kho (phiếu xuất kho). Căn cứ vào các phiếu nhập kho (phiếu xuất kho), thủ kho ghi số lượng thực nhập (thực xuất) vào thẻ kho, cuối ngày thủ kho tính ra số lượng tồn kho nguyên vật liệu để ghi chép vào cột “tồn” của thẻ kho. Các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sau khi được sử dụng để ghi vào thẻ kho sẽ được thủ kho bảo quản để giao cho kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Hàng tuần, nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của kho, đồng thời ký xác nhận vào thẻ kho và nhận các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho về phòng kế toán. Ở phòng kế toán, kế toán vật tư kiểm tra chứng từ và hoàn chỉnh nốt chỉ tiêu giá trị trên các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Đối với phiếu nhập kho, kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT (của người bán), các chứng từ khác liên quan để tính ra “đơn giá” và “thành tiền”. Còn đối với phiếu xuất kho, để giúp cho việc tính “đơn giá” cho từng phiếu xuất được đơn giản, kế toán sử dụng chỉ tiêu số lượng trên phiếu xuất kho để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu và từ sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra đơn giá xuất, tổng giá trị xuất của mỗi loại nguyên vật liệu xuất kho. Căn cứ vào đơn giá xuất trên sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán hoàn thành nốt chỉ tiêu “đơn giá” và “thành tiền” trên phiếu xuất kho.

Để có thể quản lý chi tiết nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị, phòng kế toán của Công ty đã sử dụng sổ chi tiết nguyên vật liệu. Các sổ chi tiết này được mở chi tiết cho từng nguyên vật liệu. Cơ sở để ghi sổ là các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và sổ chi tiết kỳ trước.

2.2.3. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

2.2.3.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại Công ty:

- Theo chế độ kế toán quy định tất cả các loại nguyên vật liệu về đến công ty đều phải tiến hành kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho.
- Toàn bộ quy trình nhập kho nguyên vật liệu tại công ty được bắt đầu từ việc lựa chọn nhà cung ứng, kí kết hợp đồng mua bán, vận chuyển hàng, giao hàng và nhập kho, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán. Các chứng từ như hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho,... được luân chuyển và xử lý một cách khoa học.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Căn cứ vào các đơn đặt hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, bộ phận sản xuất có nhiệm vụ lên kế hoạch sản xuất, tính toán nguyên vật liệu đầu vào cần thiết, quy cách chủng loại,... để trình giám đốc. Căn cứ vào kế hoạch đó, giám đốc xem xét, chỉ đạo phòng kinh doanh có nhiệm vụ tìm nhà cung ứng thích hợp thông qua việc kí kết hợp đồng mua bán.
- Trong quá trình mua nguyên vật liệu, chúng ta quan trọng là hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT sẽ được gửi lên phòng kế toán. Khi nhận được kế toán sẽ kiểm tra và dùng nó làm căn cứ để ghi vào phiếu nhập kho,...
- Nhận được thông báo hàng đã về tới công ty, thủ kho sẽ kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng, quy cách của các lô hàng khi tổ chức vận chuyển, bốc xếp vật liệu vào kho. Trong trường hợp phát hiện vật tư kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay cho phòng vật tư thiết bị và bộ phận KCS tiến hành kiểm tra lại lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời. Kế toán sẽ tiến hành lập phiếu nhập kho sau đó giao cho thủ kho. Sau khi nhập kho, thủ kho cùng với người giao hàng sẽ ký vào phiếu nhập kho.

Phiếu nhập kho chia là 2 liên:

- + Liên 1: Lưu tại kho cho thủ kho giữ
 - + Liên 2: Gửi lại phòng kế toán.
- Phiếu nhập kho sau khi được đưa về phòng kế toán, kế toán sẽ kiểm tra lại và căn cứ vào phiếu nhập kho, hóa đơn GTGT,.. kế toán sẽ ghi vào sổ kế toán.

**Giá nguyên vật liệu nhập kho tại Công ty.*

| | | | | | | | | |
|---|----------|---|----------|---|----------|--|----------|---|
| Giá NVL mua ngoài nhập kho | = | Giá mua ghi trên hóa đơn | + | Các loại thuế không hoàn lại | + | Chi phí liên quan trực tiếp | - | Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá (nếu có) |
|---|----------|---|----------|---|----------|--|----------|---|

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn: là giá thực tế NVL mua vào để sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua là giá chưa thuế GTGT.
- Các loại thuế không hoàn lại như: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt,...
- Chi phí liên quan trực tiếp gồm: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ,... đối với chi phí vận chuyển thì chi phí vận chuyển được tính vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu,
- Các khoản chiết khấu, giảm giá gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

2.2.3.2.Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

- Nguyên vật liệu chủ yếu được xuất kho cho đội xây dựng thuộc công ty để thi công công trình.
- Nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu xuất phát từ “ Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa” theo nhu cầu sản xuất, thi công từ Phòng KH-KT và tổ chức thi công. Sau khi được Trưởng phòng ký duyệt đồng ý, các bên thực hiện tổ chức bàn giao hàng hóa dựa trên “ Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho”. Đồng thời dựa theo biên bản, kế toán lập phiếu xuất kho rồi sau đó lập các sổ kế toán cần thiết.
- Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:
 - + Liên 1: Thủ kho giữ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Liên 2: Người nhận vật tư giữ
- + Liên 3: Đưa về phòng kế toán
- Đơn giá và trị giá vật tư xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

* Tình hình nhập xuất kho thép cuộn phi 6 tháng 06/2019 của công ty Cổ phần Thịnh Lợi như sau:

Tồn đầu kỳ (01/06): 2.150kg, đơn giá 11.300 đồng/kg.

Trong tháng phát sinh:

- + Ngày 02/06 xuất kho 518 kg.
- + Ngày 03/06 nhập kho 5.000 kg, đơn giá 11.300 đồng/kg.
- + Ngày 04/06 xuất kho 4.200 kg.
- + Ngày 10/06 nhập kho 2.500 kg, đơn giá 11.300 đồng/kg.
- + Ngày 11/06 xuất kho 1.602 kg.
- + Ngày 12/06 xuất kho 2.000 kg.
- + Ngày 28/06 nhập kho 3.000 kg đơn giá 11.300 đồng/kg.
- + Ngày 29/06 xuất kho 1.700 kg.

Trị giá xuất kho:

Ngày 02/06: $518 \times 11.300 = 5.853.400$

Ngày 04/06: $1.632 \times 11.300 + 2.586 \times 11.300 = 47.460.000$

Ngày 11/06: $1.602 \times 11.300 = 18.102.600$

Ngày 12/06: $830 \times 11.300 + 1.170 \times 11.300 = 22.600.000$

Ngày 29/06: $1.330 \times 11.300 + 370 \times 11.300 = 19.210.000$

→ Tồn cuối kỳ: $2.630 \times 11.300 = 29.719.000$

2.2.4. Ví dụ minh họa về kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Ví dụ 1: Ngày 03/06/2019, công ty nhập kho 5 tấn thép cuộn phi 6 của công ty TNHH Song Thìn, đơn giá 11.300đ/kg (chưa thuế GTGT 10%).

+ Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0012325(Biểu số 2.2) và Biên bản kiểm nghiệm (Biểu số 2.3), kế toán lập Phiếu nhập kho (Biểu số 2.4)

+ Căn cứ vào Phiếu nhập kho, kế toán lập Thẻ kho (Biểu số 2.7)

Ví dụ 2: Ngày 12/06/2019 công ty xuất kho 2 tấn thép cuộn phi 6 đơn giá 11.300 đ/kg cho công trình xây dựng Trường mầm non Thiên Thần.

Đầu kỳ tồn 2.150 kg thép giá 11.300 đ/kg

+ Sau khi nhận được Giấy đề nghị cấp vật tư (Biểu số 2.5), kế toán tiến hành lập Phiếu xuất kho (Biểu số 2.6) Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán lập thẻ kho(Biểu số 2.7)

❖ Căn cứ vào các chứng từ liên quan, kế toán tiến hành lập Sổ chi tiết vật tư (Biểu số 2.8)

Từ đó, kế toán lập Bảng tổng hợp nhập xuất tồn (Biểu số 2.9)

Kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.10) và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.11)

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0012325

| HÓA ĐƠN | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | |
|---|-----------------------|----------------------|---------------------|--------------------------------|-------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Ký hiệu: AA/18P | | |
| Liên 2: Giao cho khách hàng | | | Số : 0012325 | | |
| Ngày...03...tháng...06...năm 2019 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Song Thìn. | | | | | |
| Mã số thuế: ...0200459537. | | | | | |
| Địa chỉ: Số 1A Đại lộ Tôn Đức Thắng, Xã An Đông, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng. | | | | | |
| Số tài khoản | | | | | |
| Điện thoại: 02253.701.290 | | | | | |
| Họ tên người mua hàng | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Thịnh Lợi | | | | | |
| Mã số thuế: 0200902044 | | | | | |
| Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 – Phường Đằng Lâm – Quận Hải An – Hải Phòng | | | | | |
| Hình thức thanh toán: Chuyển khoản | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | Thép cuộn phi 6 | Kg | 5000 | 11.300 | 56.500.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 56.500.000đ |
| Thuế suất GTGT:10.... % , Tiền thuế GTGT: | | | | | 5.650.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 62.150.000đ |
| Số tiền viết bằng chữ: Sáu hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng. | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| (Ký, ghi rõ họ, tên) | | (Ký, ghi rõ họ, tên) | | (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | | | | |

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

Biểu số 2.3: Biên bản kiểm nghiệm vật tư.

Công ty Cổ phần Thịnh Lợi

Mẫu số: 03 – VT

Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 – Phường
Đằng Lâm – Quận Hải An – TP Hải Phòng.

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ tài chính)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 03 tháng 06 năm 2019

Số: 054

Căn cứ HĐ GTGT số 0012325 ngày 03 tháng 06 năm 2019

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông/bà: Nguyễn Thị Phương Hoa Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông/bà: Vũ Thị Phương

Chức vụ: Phòng Vật tư – thiết bị

Ông/bà: Hà Văn Giang

Chức vụ: Thủ kho

Đã kiểm nghiệm các loại:

| STT | Tên vật liệu công cụ dụng cụ | Mã số | Phương thức | ĐVT | SL theo chứng từ | KQ kiểm nghiệm | | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|----------|----------------|-----|------------------------|---------------------------|---------------------------------|------------|
| | | | | | | SL đúng quy cách | SL không đúng quy cách | |
| 1 | Thép cuộn phi 6 | | | Kg | 5000 | 5000 | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Tất cả số lượng thép mua nhập kho đều đúng quy cách

Ngày 03 tháng 06 năm 2019

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho

Công ty Cổ phần Thịnh Lợi Mẫu số: 01-VT
 Khu 42 Trung Hành 7 – Phường Đằng (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
 Lâm – Quận Hải An – TP Hải Phòng ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 03 tháng 06 năm 2019

Nợ: 152

Số: 054

Có: 112

Họ, tên người bán hàng: Công ty TNHH Song Thìn

Theo HĐ số 0012325 ngày 03/06/2019

Biên bản bàn giao số.....

Nhập kho tại: Kho số 01

| ST T | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư | Mã số | Đvt | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|---------|--|----------|-----|--------------|--------------|---------|-------------------|
| | | | | Theo c.từ | Thực nhập | | |
| 1 | Thép cuộn phi 6 | | Kg | | 5000 | 11.300 | 56.500.000 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng : | x | x | x | x | x | 56.500.000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm sáu triệu năm trăm ngàn đồng

Ngày 03 tháng 06 năm 2019

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

Biểu số 2.5: Giấy đề nghị cung cấp vật tư

| | | | | | | |
|---|--|---|------------|--|--|----------------|
| <p>CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI Khu 42 Trung Hành 7 - Phường Đằng Lâm - Quận Hải An - TP Hải Phòng</p> | <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do – Hạnh phúc</u></p> | | | | | |
| <p>GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ</p> | | | | | | |
| <p>Họ và tên người đề nghị: Nguyễn Mạnh Hùng. Đơn vị: Đội thi công</p> <p>Lý sử dụng: Thi công công trình Trường Mầm non Thiên Thần.</p> <p>Hạng mục:.....</p> <p>Vật tư có vào ngày 12 tháng 6 năm 2019</p> | | | | | | |
| STT | TÊN VẬT TƯ | MS | ĐVT | SL | Diễn giải | Ghi chú |
| 1 | Thép cuộn phi 6 | | kg | 2.000 | Xuất kho thép cho công trình Trường mầm non Thiên Thần | |
| | / | | | | | |
| | | | | | | |
| <p>Ngày 11 tháng 06 năm 2019</p> | | | | | | |
| <p>Người lập (Ký, họ tên)</p> | | <p>Kế toán trưởng (Ký, họ tên)</p> | | <p>Tổng Giám Đốc (Ký, họ tên)</p> | | |

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho số 063

Công ty Cổ phần Thịnh Lợi

Mẫu số: 01-VT

Khu 42 Trung Hành 7 – Phường Đăng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

Lâm – Quận Hải An – TP Hải Phòng.

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 06 năm 2019

Nợ: 621

Số: 063

Có: 152

Họ, tên người nhận hàng: Nguyễn Quang Tuấn.

Địa chỉ (Bộ phận): Đội thi công

Lý do xuất kho: Phục vụ thi công công trình trường mầm non Thiên Thần

Xuất tại kho: Kho số 01

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá | Mã số | Đvt | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---|-------|-----|-----------|-----------|---------|-------------------|
| | | | | Theo c.từ | Thực xuất | | |
| 1 | Thép cuộn phi 6 | | Kg | 2.000 | 2.000 | 11.300 | 22.600.000 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng : | x | x | x | x | x | 22.600.000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Thủ trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

Biểu số 2.7. Trích thẻ kho

Công ty Cổ phần Thịnh Lợi
Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 -
Phường Đằng Lâm - Quận Hải An - TP
Hải Phòng

Mẫu số: S03a – DN
(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

THẺ KHO**Ngày lập: 01/06/2019**

Tên vật tư, quy cách vật tư: Thép cuộn phi 6

Tên kho: Công ty Cổ phần Thịnh Lợi

Mã số vật tư:

Đơn vị tính: Kg

| Ngày ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Số phát sinh | | | Ghi chú |
|-------------|------------|-------|--|---------------|---------------|---------------------|---------|
| | SH | NT | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| | | | | | | | |
| | | | <u>Tồn đầu tháng</u> | | | <u>2.150</u> | |
| | | | | | | | |
| 03/06 | PNK 054 | 03/06 | Mua thép nhập kho | 5000 | | 6.632 | |
| 04/06 | PXK 061 | 04/06 | Xuất kho thép cho công trình chung cư CT-12 | | 4.200 | 2.432 | |
| 10/06 | PNK 055 | 10/06 | Mua thép nhập kho | 2.500 | | 4.932 | |
| | | | | | | | ... |
| 12/06 | PXK 063 | 12/06 | Xuất kho thép cho công trình trường mầm non Thiên Thần | | 2.000 | 1.330 | |
| 28/06 | PNK 056 | 28/06 | Mua thép nhập kho | 3.000 | | 4.330 | |
| 29/06 | PXK 064 | 29/06 | Xuất kho thép cho công trình trường mầm non Thiên Thần | | 1.700 | 2.630 | |
| | | | Cộng phát sinh | 10.500 | 10.020 | | |
| | | | <u>Tồn cuối tháng</u> | | | <u>2.630</u> | |
| | | | | | | | |

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết vật tư

CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI
Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 - Phường Đằng Lâm - Quận Hải
An - TP Hải Phòng

Mẫu số: S10- DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài
 chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ
Tháng 06 năm 2019
Tên hàng: THÉP CUỘN PHI 6

| Chứng từ | | Diễn giải | Đơn giá | Nhập trong kỳ | | Xuất trong kỳ | | Tồn cuối kỳ | |
|----------|-------|--|---------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|--------------|-------------------|
| SH | NT | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| | | Tồn đầu tháng | 11.300 | | | | | 2.150 | 24.295.000 |
| | | | | | | | | | |
| PNK 054 | 03/06 | Mua thép nhập kho | 11.300 | 5.000 | 56.500.000 | | | 6.632 | 74.941.600 |
| PXK 061 | 04/06 | Xuất kho thép cho công trình chung cư CT12 | 11.300 | | | 4.200 | 47.460.000 | 2.432 | 27.481.600 |
| PNK 055 | 10/06 | Mua thép nhập kho | 11.300 | 2.500 | 28.250.000 | | | 4.932 | 55.731.600 |
| | | | | | | | | | |
| PXK 063 | 12/06 | Xuất kho thép cho công trình trường mầm non Thiên thần | 11.300 | | | 2.000 | 22.600.000 | 1.330 | 15.029.000 |
| PNK 056 | 28/06 | Mua thép nhập kho | 11.300 | 3.000 | 33.900.000 | | | 4.330 | 48.929.000 |
| PXK 064 | 29/06 | Xuất kho thép cho công trình Trường Mầm non Thiên Thần | 11.300 | | | 1.700 | 19.210.000 | 2.630 | 29.719.000 |
| | | Cộng phát sinh | | 10.500 | 118.650.000 | 10.020 | 113.226.000 | | |
| | | Tồn cuối kỳ | | | | | | 2.630 | 29.719.000 |

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn**CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI****Mẫu số: S04b8 - DN****Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 - Phường Đằng Lâm - Quận** (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của**Hải An - TP Hải Phòng**

Bộ tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN**Tháng 06 năm 2019**

| STT | Tên hàng | ĐV T | Tồn đầu kỳ | | Nhập trong kỳ | | Xuất trong kỳ | | Tồn cuối kỳ | |
|------|------------------|---------|------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|-------------|---------------|
| | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| 1 | Thép cuộn phi 6 | Kg | 2.150 | 24.295.000 | 10.500 | 118.650.000 | 10.020 | 113.226.000 | 2.630 | 29.719.000 |
| 2 | Thép U50*25*2.6 | Kg | 2.095 | 39.595.500 | 8.623 | 162.974.700 | 8.725 | 164.902.500 | 1.993 | 37.667.700 |
| 3 | Xi măng | Bao | 605 | 55.055.000 | 1.350 | 122.850.000 | 1.186 | 107.926.000 | 769 | 69.979.000 |
| 4 | Xi măng trắng | Bao | 381 | 36.576.000 | 960 | 92.160.000 | 1.021 | 98.016.000 | 320 | 30.720.000 |
| | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | 1.154.098.000 | | 3.133.556.600 | | 3.099.552.900 | | 1.188.101.700 |

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

Biểu số 2.10: Trích sổ Nhật ký chung

Mẫu số: S03A – DN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI
 Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 - Phường Đằng Lâm -
 Quận Hải An - TP Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

| Ngày ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SHT K | Số phát sinh | |
|-------------|--------------------------|-------|--|-------------------|-------------------------|------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | 151.585.365.220 | 151.585.365.220 |
| | | | | ... | | |
| 03/06 | HĐ 0012325 PNK 054 | 03/06 | Mua thép nhập kho | 152 133 112 | 56.500.000 5.650.000 | 62.150.000 |
| 04/06 | PXK 061 | 04/06 | Xuất kho thép cho công trình chung cư CT-12 | 621 152 | 47.460.000 | 47.460.000 |
| 10/06 | HĐ 0012339 PNK 055 | 10/06 | Mua thép nhập kho | 152 133 112 | 28.250.000 2.825.000 | 31.075.000 |
| | | | | | | |
| 12/06 | PXK 063 | 12/06 | Xuất kho thép cho công trình trường mầm non Thiên Thần | 621 152 | 22.600.000 | 22.600.000 |
| 28/06 | HĐ 0012345 PNK 056 | 28/06 | Mua thép nhập kho | 152 133 112 | 33.900.000 3.390.000 | 37.290.000 |
| 29/06 | PXK 064 | 29/06 | Xuất kho thép cho công trình trường mầm non Thiên Thần | 621 152 | 19.210.000 | 19.210.000 |
| | | | | ... | | |
| | | | Cộng chuyển trang sau | | 293.412.728.163 | 293.412.728.163 |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

Biểu số 2.11: Trích sổ cái TK

CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI
 Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 - Phường Đằng Lâm -
 Quận Hải An - TP Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DN
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày
 22/12/2014 của Bộ tài chính)

SỔ CÁI
Tháng 06 năm 2019
Tài khoản 152: Nguyên liệu vật liệu

Đơn vị tính: VNĐ

| Ngày ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SHT K đối | Số phát sinh | |
|-------------|--------------------------|-------|--|-----------|----------------------|----------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | 1.154.098.000 | |
| | | | | | | |
| 03/06 | HĐ 0012325 PNK 054 | 03/06 | Mua thép nhập kho | 112 | 56.500.000 | |
| 04/06 | PXK 061 | 04/06 | Xuất kho thép cho công trình chung cư CT-12 | 621 | | 47.460.000 |
| 10/06 | HĐ 0012339 PNK 055 | 10/06 | Mua thép nhập kho | 112 | 28.250.000 | |
| | | | | | | |
| 12/06 | PXK 063 | 12/06 | Xuất kho thép cho công trình trường mầm non Thiên Thần | 621 | | 22.600.000 |
| 28/06 | HĐ 0012345 PNK 056 | 28/06 | Mua thép nhập kho | 112 | 33.900.000 | |
| 29/06 | PXK 064 | 29/06 | Xuất kho thép cho công trình trường mầm non Thiên Thần | 621 | | 19.210.000 |
| | | | | | | |
| | | | Tổng số phát sinh | | 3.133.556.600 | 3.099.552.900 |
| | | | Số dư cuối kỳ | | 1.118.101.700 | |

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

2.2.5. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Kiểm kê nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu đối với doanh nghiệp đặc biệt là đối với doanh nghiệp có chi phí nguyên vật liệu lớn như Công ty Cổ phần Thịnh Lợi. Công ty Cổ phần Thịnh Lợi thường kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho vào cuối năm.

Công ty tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu là để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số liệu sổ sách. Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là để xác định số lượng, chất lượng, trị giá nguyên vật liệu còn tồn kho, từ đó phát hiện số chênh lệch giữa sổ sách với thực tế để bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu cũng như tài sản của doanh nghiệp.

Trước mỗi lần tiến hành kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để thuận tiện cho công tác kiểm kê, đồng thời kế toán phải hoàn thành việc ghi sổ tất cả các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh, tiến hành khóa sổ đúng thời điểm kiểm kê. Nhân viên quản lý sắp xếp lại nguyên vật liệu theo từng loại, có trật tự, ngăn nắp để quá trình kiểm kê được diễn ra thuận lợi. Thông qua việc cân, đo, đong, đếm,... xác định số nguyên vật liệu còn ở trong kho so với sổ sách. Nếu phát hiện sự chênh lệch giữa số nguyên vật liệu thực tế và số nguyên vật liệu trong sổ sách thì cần tìm hiểu nguyên nhân và điều chỉnh hoặc bổ sung để khớp số liệu hai bên.

Thanh lý, nhượng bán, quyết định xử lý bồi thường nếu phát hiện trường hợp nhân viên làm mất hoặc gây hư hỏng trong quá trình thu mua, vận chuyển hay bảo quản,...

Căn cứ vào biên bản xử lý kết quả kiểm kê, kế toán tiến hành ghi sổ.

Biểu số 2.12. Biên bản kiểm kê vật tư

CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI
Địa chỉ: Khu 42 Trung Hành 7 - Phường Đằng Lâm -
Quận Hải An - TP Hải Phòng

Mẫu số: 05 - VT
 (Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ
 tài chính)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

Thời điểm kiểm kê.....giờ.....ngày 01 tháng 07 năm 2019.

Ban kiểm nghiệm bao gồm:

Ông/Bà: Hà Văn Giang

Chức vụ: Thủ kho

Đại diện: Trưởng ban

Ông/Bà: Nguyễn Thị Phương Hoa

Chức vụ: Kế toán trưởng

Đại diện: Ủy viên

Ông/Bà: Vũ Thị Phương

Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – thiết bị

Đại diện: Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư | Mã số | ĐV T | Đơn giá | Theo sổ kế toán | | Theo kiểm kê | | Chênh lệch | | | | Phẩm chất | | |
|-----|------------------------------------|-------|---------|------------|-----------------|---------------|--------------|---------------|------------|---------------|-------|---------------|--------------------|---------------------|---------------------|
| | | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | Thừa | | Thiếu | | Còn tốt 100% | Kém phẩm chất | Mất phẩm chất |
| | | | | | | | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | | | |
| 1 | Thép cuộn phi 6 | TCØ6 | kg | 11.300 | 2.630 | 29.719.000 | 2.630 | 29.719.000 | | | | | ✓ | | |
| 2 | Thép cuộn phi 8 | TCØ8 | kg | 11.800 | 1.350 | 15.930.000 | 1.350 | 15.930.000 | | | | | ✓ | | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | Cộng | | | | | 1.188.101.700 | | 1.188.101.700 | | | | | | | |

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần Thịnh Lợi) [3]

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

PHẦN III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỊNH LỢI

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Trải qua 10 năm thành lập và phát triển, Công ty Cổ phần Thịnh Lợi đã và vẫn luôn khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế quốc dân. Nhất là trong nền kinh tế thị trường mở cửa như hiện nay, Công ty đã nhanh chóng tổ chức lại sản xuất và tham gia vào các hoạt động đấu thầu, không ngừng phấn đấu, tăng cường liên doanh, liên kết với các Công ty trong nước và các Công ty liên doanh với nước ngoài nhằm tạo sức mạnh trong việc tham gia đấu thầu xây lắp các công trình và đã góp phần rất lớn vào ngành xây dựng trong nước.

Để đứng vững trên thị trường và tạo lập được uy tín của mình như hiện nay không thể không nói đến sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty và sự vươn lên của các thành viên trong Công ty. Tập thể lãnh đạo của Công ty đã nhận ra những mặt yếu kém không phù hợp với cơ chế mới nên đã có nhiều biện pháp kinh tế hiệu quả, mọi sáng kiến luôn được phát huy nhằm từng bước khắc phục những khó khăn để hoà nhập với nền kinh tế thị trường. Bản thân Công ty luôn phải tự tìm ra các nguồn vốn để sản xuất, tự mình tìm ra các nguồn NVL để đáp ứng nhu cầu sản xuất, đồng thời là một Công ty nhạy bén với sự thay đổi và sự cạnh tranh trên thị trường, Công ty luôn chú trọng tới việc nâng cao chất lượng công trình và công tác quản lý nói chung và công tác NVL nói riêng. Một trong những yêu cầu quan trọng mà Công ty đề ra là phải tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Công tác kế toán NVL ở Công ty được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học và đặc điểm tình hình thực tế của Công ty và có sự vận dụng sáng tạo chế độ kế toán hiện hành. Do đặc điểm kế toán NVL ở Công ty rất đa dạng phong phú về chủng loại, các nghiệp vụ nhập - xuất diễn ra thường xuyên, do đó Công ty đã sử dụng cách tính giá vật liệu rất hợp lý và đơn giản (Đối với vật liệu nhập kho

được tính theo giá thực tế xuất kho theo phương pháp khấu trừ thuế; Đối với vật liệu xuất kho được tính theo giá nhập trước xuất trước).

Như đã biết, nguyên vật liệu là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành. Do đó công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu tốt sẽ góp phần thực hiện và đóng góp tốt mục tiêu hạ giá thành sản phẩm mà Công ty đã đề ra. Điều này thể hiện ở sự chú trọng từ khâu thu mua, bảo quản cho đến khâu sử dụng vật liệu.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác NVL ở Công ty Cổ phần Thịnh Lợi, em nhận thấy công tác quản lý và hạch toán ở Công ty có một số ưu điểm và hạn chế, cụ thể:

3.1.1. Ưu điểm trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung: Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra và gửi về phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tổng hợp lại ghi vào sổ kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của công ty Cổ phần Thịnh Lợi, nó đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Cán bộ kế toán được phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng nên sự chuyên môn hóa rất cao, đảm bảo các phần hành tiến hành nhanh nhẹn, độ chính xác cao và đảm bảo khả năng cung cấp thông tin trung thực, hợp lý, kịp thời.

3.1.1.2. Về công tác thu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu:

Khâu thu mua: Công ty đang áp dụng quy trình quản lý vật tư từ khâu tiếp nhận, cấp phát đến thu hồi rất chặt chẽ và hiệu quả. Theo quy trình này cả 3 yếu tố số lượng, chất lượng, giá trị của vật tư mua vào đều được quản lý riêng biệt bởi 03 bộ phận khác nhau, đó là: phòng vật tư – thiết bị, phòng KH-KT và tổ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

chức thi công, phòng kế toán. Việc này làm cho khối lượng công việc ở mỗi phòng được giảm nhẹ mà lại tạo hiệu quả cao trong công tác quản lý vật tư và cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác cho Ban lãnh đạo. Nhờ áp dụng quy trình này, số lượng vật tư luôn được đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ và luôn ở trạng thái sẵn sàng cho sản xuất thi công, vì vậy Công ty luôn tránh được tình trạng phải ngưng hay giảm cường độ lao động do thiếu hay phải chờ nguyên vật liệu, gây thiệt hại cho Công ty. Bên cạnh đó chất lượng vật tư không chỉ được kiểm tra ở khâu nhập kho mà còn được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi xuất dùng cho sản xuất thi công, điều này đã giúp cho công ty tạo được lòng tin, uy tín và thu hút được khách hàng.

Khâu bảo quản: Công ty Cổ Phần Thịnh Lợi hiện có 2 kho bảo quản nguyên vật liệu. Cả 2 kho đều được lắp đặt các thiết bị bảo quản vật liệu riêng, các kho được xây dựng nơi thoáng mát, sạch sẽ, bảo đảm nguyên vật liệu được bảo quản tốt nhất.

Khâu sử dụng: Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ do phòng KH-KT và tổ chức thi công đưa ra để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất, thi công được kế hoạch từ trước và được Giám đốc thông qua. Trong khâu xuất kho, Công ty đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng và hợp lý về bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng nguyên vật liệu. Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đã giúp cho công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu tại công ty được chính xác, đảm bảo vật liệu được sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

3.1.1.3. Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang được áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của công ty. Hình

thức kế toán của công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, phù hợp, giúp hệ thống hóa thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

3.1.1.4. Về công tác hạch toán nguyên vật liệu:

Kế toán vật tư phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu, phù hợp với đặc trưng của ngành xây dựng và đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành rất đều đặn, đúng kỳ. Mặt khác do công ty tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên nên phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu liên tục. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động vật tư tại bất kỳ thời điểm nào. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu và cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp ngay cả khi có sự biến động của công ty diễn ra thường xuyên, liên tục. Đây là phương pháp phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

3.1.2. Những hạn chế trong công tác quản lý hàng tồn kho tại công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty Cổ phần Thịnh Lợi còn có một số hạn chế cần được khắc phục:

3.1.2.1. Về việc quản lý nguyên vật liệu:

Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu chỉ mới được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất, rất khó để mọi người nhận biết đâu là vật liệu chính đâu là nguyên vật liệu phụ, phụ từng thay thế,... Do vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học, hợp lý

hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và áp dụng kế toán máy.

2.1.2.2. Về công tác bảo quản nguyên vật liệu.

Công ty hiện có 02 kho đựng nguyên vật liệu. Tuy nhiên, cũng có thời gian nguyên vật liệu mua về dự trữ cho sản xuất hoặc thi công thì hai kho không đảm bảo chứa hết các loại nguyên vật liệu. Trong trường hợp đó, nhiều nguyên vật liệu phải để ngoài sân kho. Với đặc điểm dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết như: nắng, mưa, gió, bão,... thì không được che đậy cẩn thận sẽ dẫn tới tình trạng nguyên vật liệu bị mất giá trị và giảm chất lượng.

3.1.2.3. Về công tác hạch toán nguyên vật liệu.

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, chủng loại nguyên vật liệu rất đa dạng dẫn đến số lượng sổ sách theo dõi rất lớn và phức tạp. Hiện nay, phòng kế toán công ty vẫn thực hiện bằng tay trên sổ sách giấy tờ do vậy rất vất vả, việc áp dụng tin học chỉ là sử dụng chương trình excel để lập sổ và hỗ trợ cho việc tính toán. Việc này đã làm cho hiệu quả quản lý đối với nguyên vật liệu cũng như hạch toán kế toán bị hạn chế, vì chương trình này và hệ thống sổ kế toán chưa đầy đủ để thuận tiện cho việc theo dõi, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho ban lãnh đạo khi được yêu cầu.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu.

Kế toán nguyên vật liệu được thực hiện tốt sẽ giúp công ty huy động và sử dụng vốn có hiệu quả do tổ chức hợp lý việc cung cấp và dự trữ. Ngoài ra, việc hạch toán và quản lý tốt nguyên vật liệu còn có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận cho công ty. Chỉ có như vậy, công ty mới có thể lôi kéo khách hàng về phía mình, tạo được chữ tín và khẳng định được vị trí của mình trên thị trường.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nguyên vật liệu còn có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nếu thiếu nguyên vật liệu thì sẽ không thể tiến hành được các hoạt động sản xuất và thi công.

Trong quá trình thi công công trình, thông qua công tác kế toán nguyên vật liệu, công ty có thể đánh giá những khoản chưa hợp lý, lãng phí hay tiết kiệm. Bởi vậy, cần tập trung quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu ở tất cả các khâu: thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu nhằm hạ thấp chi phí sản xuất, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất còn là cơ sở để tăng thêm sản phẩm cho xã hội. Có thể nói rằng nguyên vật liệu giữ vị trí quan trọng không thể thiếu trong quá trình thi công.

Trong quá trình sản xuất, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, do vậy nguyên vật liệu không chỉ quyết định đến mặt số lượng của sản phẩm mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra. Hơn nữa, việc tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu một cách hợp lý sẽ có ý nghĩa rất lớn góp phần làm giảm giá thành, trên cơ sở đó mà làm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tóm lại, nguyên vật liệu là yếu tố đầu tiên trong quá trình tạo ra sản phẩm. Công ty muốn sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và tạo được uy tín trên thị trường nhất thiết phải tổ chức và hoàn thiện tốt công tác kế toán nguyên vật liệu.

- Hoàn thiện giúp Công ty có phương pháp khắc phục những điểm yếu công tác kế toán nguyên vật liệu, giúp ban lãnh đạo Công ty nắm chắc được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để có kế hoạch tốt hơn.
- Hoàn thiện giúp cho phòng kế toán của Công ty làm việc hiệu quả hơn, khai thác tốt hơn tiềm năng của mỗi con người.
- Hoàn thiện giúp cho công tác kế toán nguyên vật liệu nắm bắt chính xác số lượng, giá trị nguyên vật liệu: đảm bảo kịp thời điều chỉnh hàng kém chất lượng và hàng chậm tiêu thụ.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, phương hướng hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu trước hết phải được đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính kế toán và tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý nền kinh tế của Nhà nước. Việc thực hiện chế độ công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ mới về quản lý tài chính.
- Hoàn thiện công tác kế toán tại cơ sở phải phù hợp với đặc điểm của Công ty, phù hợp với đặc điểm quản lý sản xuất kinh doanh. Hệ thống kế toán ban hành buộc các Công ty phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của Doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao. Công tác kế toán luôn phải đáp ứng các thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí về mục đích kinh doanh của công ty là phải mang lại lợi nhuận cao.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi.

Qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của công ty cũng như tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng, em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Kiến nghị 1: Áp dụng phương pháp kế toán máy vào công tác kế toán.

Hiện nay, số lượng sổ sách kế toán của công ty khá là nhiều, bộ phận kế toán đã phải làm việc khá vất vả. Vì vậy, để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng của công việc, công ty nên ứng dụng kế toán máy vào công tác kế toán.

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán máy phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Ví dụ phần mềm kế toán máy MedaData, phần mềm 3TSOFT,... trong đó em thấy phần mềm 3TSOFT khá là phù hợp với công ty.

Phần mềm kế toán máy 3TSOFT được thiết kế phù hợp với nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau. Hỗ trợ tất cả các khâu trong công tác kế toán của doanh nghiệp bao gồm cập nhật chứng từ, công tác xử lý kế toán như kết chuyển cuối kỳ, phân bổ chi phí, tính giá thành sản phẩm, tự động lên các sổ sách và báo cáo tài chính,...



Kiến nghị 2: Xây dựng và tu sửa nhà kho.

Nguyên vật liệu của công ty có nhiều chủng loại khác nhau nên công ty cần chú trọng đến kho để bảo quản nguyên vật liệu được đảm bảo. Công ty cần xây dựng thêm nhà kho để bảo quản nguyên vật liệu, tránh hư hỏng gây thiệt hại cho công ty. Ngoài ra, kho đã được xây dựng lâu năm, công ty cần tu sửa, đảm bảo có thể giữ, bảo quản nguyên vật liệu tốt hơn.

Kiến nghị 3: Lập sổ danh điểm vật tư.

Công ty Cổ phần Thịnh Lợi là một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ. Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện được rõ đặc điểm, tính chất của từng loại nguyên vật liệu. Vì vậy, theo em Công ty nên xây dựng “Sổ danh điểm vật tư”. Nó giúp công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu giảm bớt được khối lượng ghi chép, đơn giản, dễ theo dõi, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán.

Theo phương pháp này, mỗi vật tư mang một số hiệu riêng gọi là số danh điểm. Mỗi số danh điểm bao gồm nhiều chữ số sắp xếp theo một thứ tự nhất định để chỉ loại, nhóm và thứ. Muốn vậy, Công ty nên phân loại TK152 ra thành nhiều tiểu khoản dùng để chỉ các nhóm vật liệu tương ứng. Để có thể quản lý tới từng thứ, loại vật tư trong từng nhóm ta chỉ cần thêm các chữ số vào sau mỗi nhóm. Toàn bộ các danh điểm vật tư sẽ được thể hiện trên sổ danh điểm vật tư. Hệ thống này đảm bảo cho việc quản lý vật liệu một cách rõ ràng, chính xác, tương ứng với chủng loại, quy cách vật liệu. Sổ danh điểm vật tư giúp cho việc thống nhất tên gọi nguyên vật liệu, thống nhất đơn vị tính, thống nhất quy cách, phẩm chất, thống nhất mở thẻ kho, đồng thời cũng thống nhất mã của nguyên vật liệu.

Sổ danh điểm vật tư có thể lập theo mẫu dưới đây:

Biểu số 3.1. Mẫu sổ danh điểm vật tư**SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ**

| Ký hiệu | | Tên, nhãn hiệu quy cách nguyên liệu, vật liệu | Đơn vị | Đơn giá | Ghi chú |
|---------|-------------|--|----------------|------------|------------|
| Nhóm | Danh điểm | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1521 | | Nguyên vật liệu chính | | | |
| 1521-01 | | Thép các loại | | | |
| | 1521-01-01 | Thép cuộn phi 6 | m ³ | | |
| | 1521-01-02 | Thép cuộn phi 8 | m ³ | | |
| | 1521-01-03 | Thép cuộn phi 10 | m ³ | | |
| | | | | | |
| 1521-02 | | Xi măng | | | |
| | 1521-02-01 | Xi măng PC 30 | kg | | |
| | 11521-02-02 | Xi măng PC 40 | kg | | |
| | | | | | |
| 1522 | | Vật liệu phụ | | | |
| 1522-01 | 1522-01-01 | Phụ gia bê tông | Kg | | |
| 1522-02 | 1522-01-02 | Nhựa đường | Kg | | |
| | | | | | |
| 1523 | | Nhiên liệu | | | |
| | | | | | |
| 1524 | | Phụ tùng thay thế | | | |
| | | | | | |
| 1525 | | Vật liệu khác | | | |
| | | | | | |

Cách ghi chép sổ danh điểm vật tư như sau:

- + Cột 1,2: Ghi ký hiệu của từng nguyên vật liệu
- + Cột 3: Ghi tên, nhãn hiệu quy cách của từng nguyên vật liệu.
- + Cột 4: Ghi đơn vị của từng nguyên vật liệu
- + Cột 5: Ghi đơn giá của từng thứ nguyên vật liệu.

KẾT LUẬN

Trong tình trạng nền kinh tế thị trường cạnh tranh vô cùng gay gắt, yêu cầu đặt ra với Doanh nghiệp là làm thế nào để bằng một lượng vốn nhất định có thể tạo ra được sản phẩm có chất lượng cao nhất, hiệu quả nhất.

Có thể nói, Công ty Cổ phần Thịnh Lợi là một công ty hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng. Công ty đã từng bước khẳng định uy tín của mình bằng chất lượng, thẩm mỹ của các công trình và phương thức làm ăn đúng đắn, có hiệu quả.

Trong thời gian thực tập, dưới sự giúp đỡ của các cán bộ nhân viên trong Công ty, em đã nhận rõ được các ưu điểm, hạn chế và đã đưa ra được một số kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Thịnh Lợi như:

- Áp dụng phương pháp kế toán máy vào công tác kế toán.
- Xây dựng và tu sửa nhà kho.
- Lập sổ danh điểm vật tư.

Do thời gian thực tập có hạn và kiến thức còn nhiều hạn chế nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày khóa luận em không tránh khỏi nhiều sai sót. Kính mong các thầy cô giáo góp ý, bổ sung thêm, giúp em nắm vững hơn nữa lý thuyết cũng như thực tiễn để phục vụ tốt hơn cho công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng trong thị trường hiện nay.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Văn Anh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính , Thông tư TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 - hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Ngô Thế Chi & Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
3. Công ty CP Thịnh Lợi: Tài liệu, sổ sách kế toán năm 2019.